



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

958 /XLDK-TCKT

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo thường niên năm 2018 của
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên đơn vị : Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)
2. Mã chứng khoán : PVX
3. Trụ sở chính : Tầng 25, Toà nhà CEO, lô HH2-1, khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại : 04.37689291 Fax: 04.37689290
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thu Hoài
6. Địa chỉ thường trú: P 2108, CT4, Khu nhà ở cán bộ chiến sĩ Bộ công an, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.
7. Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04.37689291 Fax: 04.37689290
8. Nội dung của thông tin công bố:
Báo cáo thường niên năm 2018 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.
9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://pvc.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT PVC (b/c);
- TGD PVC (b/c);
- Ban TCHC;
- Lưu: VT, TCKT-KT.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT

Ngô Thị Thu Hoài

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM | VIETNAM NATIONAL OIL AND GAS GROUP

PETROVIETNAM

PVC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION (PVC)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



www.pvc.vn

THÔNG TIN CHUNG

*** Tên công ty bằng tiếng Việt:**

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

*** Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:**

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

*** Tên công ty viết tắt: PVC**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500102365

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn nghìn tỷ đồng

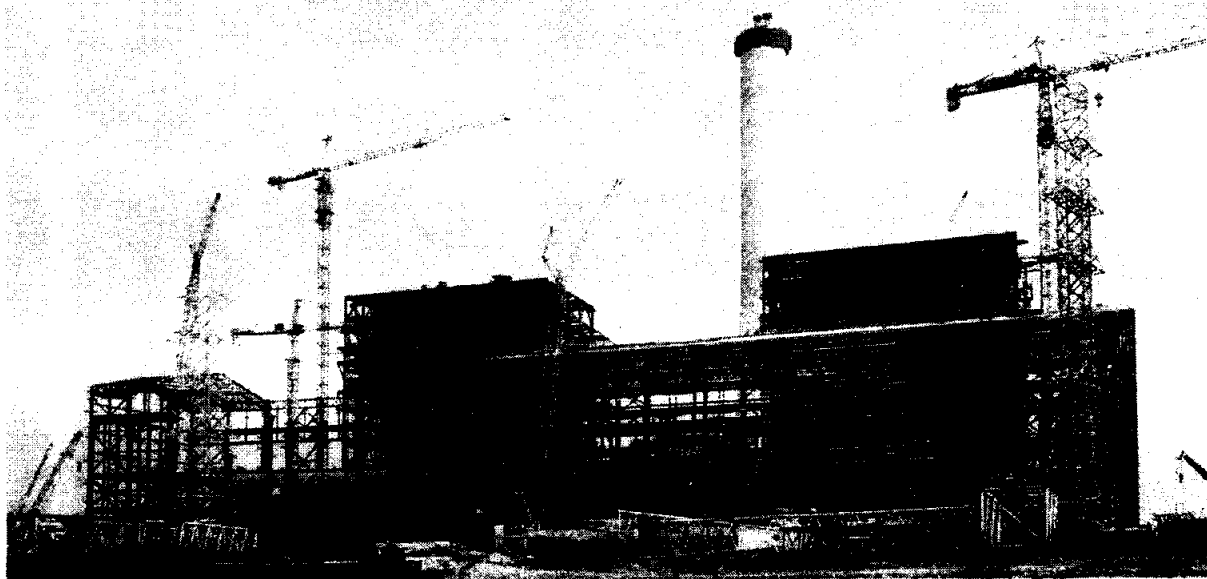
*** Địa chỉ:** Tầng 25, Tòa nhà CEO, lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

*** Số điện thoại:** 0243.7689291

*** Số fax:** 0243.7689290

*** Website:** www.pvc.vn

*** Mã cổ phiếu:** PVX



1. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam) - Tập đoàn kinh tế hùng mạnh hàng đầu đất nước. 35 năm qua, PVC nỗ lực vươn lên trở thành một doanh nghiệp xây lắp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí, xây dựng công nghiệp và dân dụng.

- 14/9/1983, Thi hành các quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983), Tổng cục Dầu khí ra quyết định thành lập **Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí** với nhiệm vụ thi công các công trình; san lấp mặt bằng, bến cảng, bãi đỗ cần khoan, ống chống, Xí nghiệp cơ khí trung tâm, Xí nghiệp địa vật lý, trạm điện 4,2 MW, Xí nghiệp sản xuất ôxy, axetylen, kho đông lạnh, hồ chôn bùn khoan.

- 19/9/1995, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển đổi Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí thành **Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (PVECC)** - bước phát triển rất quan trọng, tạo ra sự thay đổi cả về chất lẫn về lượng của ngành Xây dựng Dầu khí Việt Nam.

- 1/4/2006, sau gần hai năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, **Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (PVC)** chính thức đi vào hoạt động với một mô hình quản lý mới: tinh, gọn, nhẹ và năng động.

- 26/10/2007, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ký Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp dầu khí thành **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)**.

- 19/8/2008, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam niêm yết 150 triệu cổ phiếu với mã PVX trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- 2010, PVC thi công chế tạo chân đế lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam: Dự án giàn mỏ Đại Hùng sâu 110 m nước, trong lượng 7.200 tấn; Dự án Biển Đông mỏ Mộc Tinh sâu 130m nước, với khối lượng trên 13 nghìn tấn.

- 1/2013, theo đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 5/1/2013, PVC sẽ trở thành đơn vị chủ lực của PVN trong lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên bờ.

Trải qua 35 năm hình thành và phát triển, PVC đã và đang khẳng định uy tín, năng lực vượt trội trên các công trình trọng điểm của ngành Dầu khí và đất nước. Từ Căn cứ Dịch vụ Tổng hợp trên bờ tại Vũng Tàu, đến các công trình Đường ống dẫn khí từ Long Hải về các khu công nghiệp Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Đông Nai; các công trình trọng điểm quốc gia như Nhà máy Đạm Phú Mỹ, , Cụm khí điện đạm Cà Mau, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I và mới nhất là Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình II... đều ghi dấu vai trò quan trọng của Tổng Công ty PVC.

Trưởng thành qua từng công trình, dự án, từ vai trò thầu phụ cho các nhà thầu quốc tế, PVC đã vươn lên trở thành Tổng thầu EPC thực hiện các công trình có quy mô ngày càng lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: Tổng kho LPG Gò Dầu, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình II, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch II...

Đặc biệt, PVC tiếp tục khẳng định thế mạnh trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí qua việc thực hiện thi công hầu hết các dự án về vận chuyển, tàng trữ

dầu và khí theo hình thức EPC như Kho xăng dầu Cù Lao Tào, Kho chứa LPG và trạm xuất xe bồn Dung Quất... Trong lĩnh vực Thiết kế, chế tạo, xây lắp giàn khoan, chân đế giàn khoan: PVC thi công chế tạo hàng loạt công trình xây lắp, kết cấu trọng điểm trên cả nước của ngành Dầu khí Việt Nam trong đó có những công trình lớn kỷ lục Việt Nam như chân đế giàn khoan Đại Hùng, chân đế và khối thượng tầng giàn Mộc Tinh 1 – Dự án Biển Đông...

PVC không ngừng việc củng cố, phát triển các lĩnh vực thế mạnh truyền thống như xây dựng hệ thống tàng trữ, vận chuyển các sản phẩm Dầu khí, cơ khí lắp đặt và chế tạo các thiết bị Dầu khí...

PVC còn khẳng định thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và dân dụng. PVC có bước tiến vượt bậc trong công nghệ xây dựng nhà cao tầng như: Trung tâm Tài chính Dầu khí, Văn phòng Viện Dầu khí, Toà nhà Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Cao ốc văn phòng Dragon Tower...

Trên những chặng đường đã qua, Tổng Công ty và các đơn vị thành viên đã không ngừng trưởng thành, góp phần vào sự phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và của đất nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính:

a. Xây lắp chuyên ngành dầu khí

PVC là doanh nghiệp chủ lực của ngành Dầu khí trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí. Đây là lĩnh vực hoạt động chủ đạo, tạo nên uy tín, thương hiệu PVC trong 34 năm qua, trong đó các hoạt động mũi nhọn bao gồm:

- Thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí, giàn khoan, chân đế giàn khoan (trên đất liền, ngoài biển), các kết cấu kim loại, bồn bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, nước.
- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nổi, khớp nối, đầu nổi và phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất.
- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng và thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

b. Xây dựng công nghiệp

PVC còn được biết đến với vai trò là nhà thầu xây dựng có năng lực trong xây dựng các công trình công nghiệp lớn trong và ngoài ngành Dầu khí:

- Đầu tư, xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, xi măng vật liệu xây dựng...
- Khảo sát, thiết kế, tư vấn, thi công lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong xây dựng công nghiệp.
- Đầu tư, thiết kế và tổng thầu các dự án hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đê kè, bến cảng...
- Xây dựng các nhà máy khí điện, nhiệt điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện

c. Xây dựng dân dụng

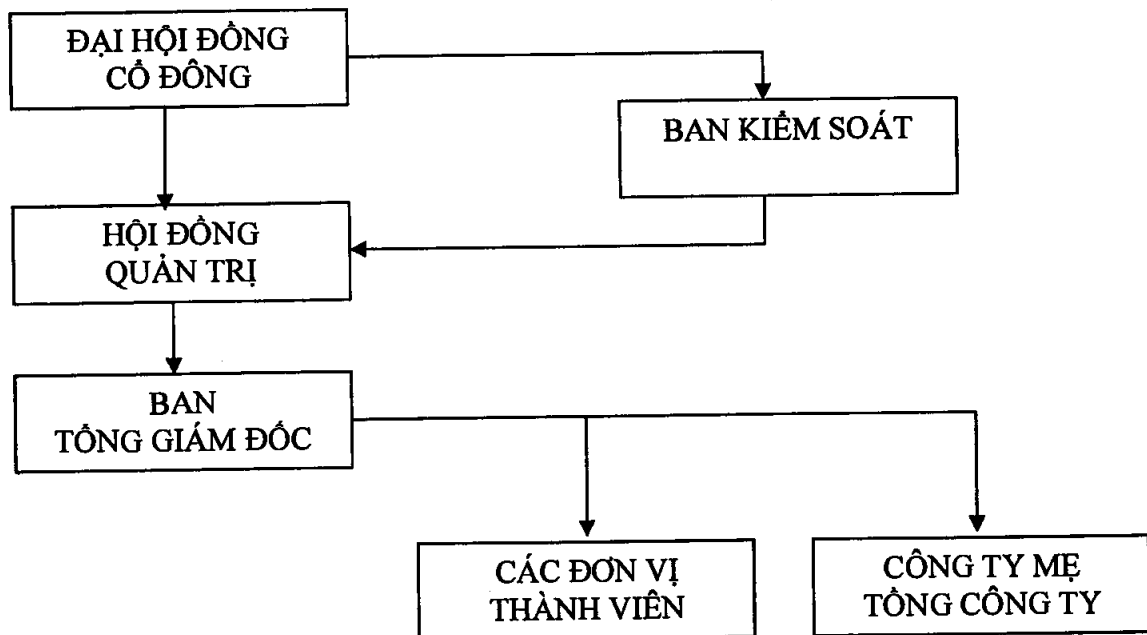
PVC đã tham gia đầu tư, tư vấn, thiết kế, xây dựng nhiều công trình dân dụng, văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà cao tầng của ngành Dầu khí và nhiều địa phương trên cả nước. PVC còn tham gia đầu tư xây dựng và khai thác các dự án khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng các khu đô thị mới

d. Sản xuất công nghiệp

Song song với việc đẩy mạnh hoạt động xây lắp theo các lĩnh vực, PVC chú trọng đầu tư cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng và cơ khí chế tạo chuyên ngành dầu khí và sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí)

3. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị



- Các công ty con, công ty liên kết:

I	Các công ty con	
1	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	
2	Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	
3	Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	
4	Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	
5	Công ty CP Đầu tư hạ tầng và đô thị Dầu khí PVC Petroland	
6	Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	
7	Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCLand)	
8	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	
9	Công ty CP ĐT&XD Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	
II	Công ty liên kết	
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	
2	Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	
3	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)	
4	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	
5	Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	
6	Công ty CP Xây lắp dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	
7	Công ty CP thiết kế quốc tế Heerim PVC	
8	Công ty CP TM Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petrolink)	
9	Công ty CP Trang trí nội thất Dầu khí (PVC - ID)	
10	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp DK Nghệ An - PVNC	
11	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí Sài Gòn (PVC-SG)	
III	Công ty đầu tư khác	
1	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	
2	Công ty CP Xây lắp Dầu khí PVC Trường Sơn	
3	Công ty CP Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí (PVC Metal)	
4	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	
5	Công ty Cổ phần bất động sản Dầu khí Petrowaco	
6	Công ty CP xi măng Hạ Long	
7	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 4	
8	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	
9	Công ty CP Đầu tư Xây lắp dầu khí IMICO	

4. Định hướng phát triển

- Xây dựng PVC trở thành một trong những đơn vị dịch vụ kỹ thuật cao thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng thầu EPC lớn trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình Dầu khí.
- Tái cơ cấu để PVC tiếp tục phát triển mạnh hơn, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững, đảm bảo thực hiện thắng lợi.

5. Các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2019

Bên cạnh những kết quả đạt được và những hạn chế tồn tại năm 2018, Tổng công ty cũng đã nhận diện được một số rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, tóm tắt như sau:

- Đối với các công trình/dự án đã hoàn thành, đang chờ quyết toán như dự án NMNĐ Vũng Áng 1, dự án NMNĐ Quảng Trạch, dự án Ethanol, dự án PVTex,... khi quyết toán/bàn giao các Dự án/Hợp đồng đều tồn tại và tiềm ẩn các rủi ro liên quan đến việc cắt giảm khối lượng/thực hiện, ghi nhận tăng chi phí thực hiện theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, mặc dù đã ký các phụ lục số 26, 27 Hợp đồng EPC để điều chỉnh giá, tiến độ của dự án. Tuy nhiên hiện nay theo ước tính chi phí thực tế với giá hợp đồng đã điều chỉnh tại Phụ lục 26 thì chênh lệch đầu thu và chi phí trước thuế khi thực hiện Hợp đồng EPC còn khá lớn, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho PVC trong việc thực hiện dự án.
- Công tác tái cơ cấu nợ gốc và lãi vay đối với khoản vay ủy thác của Tập đoàn: Do tình hình tài chính của PVC hiện đang rất khó khăn (lỗ lũy kế của công ty mẹ tại 31/12/2018 là 3.377 tỷ đồng); các tài sản/dự án hình thành từ nguồn vốn vay ủy thác của Tập đoàn không phát huy được hiệu quả/các đơn vị của PVC đã chuyển nhượng/sử dụng vào mục đích khác, dẫn đến PVC gặp khó khăn trong việc thu xếp dòng tiền để trả nợ vay ủy thác Tập đoàn.
- Tiềm ẩn rủi ro tiếp tục gây lỗ cho PVC từ các khoản đầu tư tài chính khi thoái vốn theo yêu cầu về tái cơ cấu do hiện nay PVC đang trích lập dự phòng theo giá trị sổ sách (áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC). Tuy nhiên đến khi thực hiện thoái vốn tại các đơn vị này thì dự kiến PVC sẽ phải hạch toán lỗ phần chênh lệch do giá thị trường thấp hơn so với giá trị sổ sách.
- Tiếp tục phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đối với các đơn vị PVC góp vốn có kết quả kinh doanh thua lỗ.
- PVC tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn và bảo lãnh thanh toán cho các đơn vị. Tại ngày 31/12/2018, PVC còn số dư bảo lãnh vay vốn cho 04 đơn vị thành viên vay vốn tại các tổ chức tín dụng khác đã bị quá hạn với dư nợ vay là 237,86 tỷ đồng, bảo lãnh thanh toán chuyển nhượng Khách sạn Dầu khí Thái Bình đối với PVEP cho PVC-Thái Bình là 111,8 tỷ. Đến thời điểm hiện tại, PVC đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả 137,94 tỷ đồng
- Trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi: Tại thời điểm 31/12/2018, theo BCTC sau kiểm toán của Công ty mẹ PVC, số dư phải thu khách hàng là 1.340,88 tỷ đồng; ứng trước cho người bán 730,61 tỷ đồng; phải thu khác là 346,57 tỷ đồng và phải thu các đơn vị từ khoản vay ủy thác của Tập đoàn 477,54 tỷ đồng. Số trích lập lũy

kế đến 31/12/2018 là 978,22 tỷ đồng. PVC sẽ tiềm ẩn rủi ro trong việc phải tiếp tục trích lập dự phòng đối với những khoản công nợ không được xử lý và các khoản công nợ khác dự kiến sẽ quá hạn trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

- Công tác quyết toán thuế từ năm 2008 đến nay: PVC chưa được cơ quan thuế thực hiện thanh tra, quyết toán, do đó có thể phát sinh các khoản thuế không được khấu trừ, chi phí không được trừ khi kiểm tra, quyết toán cũng như các khoản phạt có liên quan.

- PVC làm việc với các Chủ đầu tư/ Đối tác/ Khách hàng cũng gặp nhiều hạn chế dẫn đến hoạt động SXKD của PVC tiếp tục gặp khó khăn, đặc biệt trong công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn công việc mới.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) bước vào thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên chấp thuận tại Nghị quyết số 375/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 22/6/2018 trong bối cảnh có nhiều khó khăn, khái quát những thuận lợi, khó khăn thách thức đối với PVC trong năm 2018 như sau:

Thuận lợi:

- Nền kinh tế trong nước đã có những bước phát triển tích cực trong năm 2018. PVC tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Tập đoàn, đặc biệt tại dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2. Bên cạnh đó, PVC cũng nhận được nhiều sự hỗ trợ của các Bộ/ngành, các đối tác để có thể thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Đảng uỷ, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã đề ra các định hướng, chỉ đạo đúng đắn cùng với sự đoàn kết, quyết tâm của tập thể CBCNV trong Tổng công ty trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Khó khăn:

- Tuy nhiên, năm 2018 tiếp tục là năm khó khăn đối với PVC trong công tác tìm kiếm nguồn việc mới. Với số liệu tài chính công khai lỗ lũy kế lớn; công nợ với các nhà thầu, nhà cung cấp chưa được giải quyết dẫn đến các đối tác đặc biệt quan ngại về khả năng thanh toán của PVC, uy tín của PVC bị sụt giảm nghiêm trọng. Do đó số lượng các gói thầu Tổng công ty tham gia dự thầu đã giảm, phải cạnh tranh gay gắt với những đơn vị có nhiều lợi thế về uy tín cũng như nguồn lực tài chính. Mặc dù một số đơn vị thành viên của Tổng công ty đã tích cực tham gia tiếp thị/đấu thầu tại các dự án trong và ngoài ngành, tuy nhiên chưa đem lại hiệu quả.

- PVC và các đơn vị phải đối mặt với nhiều khó khăn trong vấn đề tiếp cận nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng ngân hàng để triển khai thu xếp vốn cho các dự án.

- Thị trường bất động sản tuy có khởi sắc nhưng chưa rõ nét, các dự án chủ yếu đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư/dừng thực hiện đầu tư và hầu hết vị trí các dự án đầu tư của PVC/đơn vị thành viên ở các khu vực chưa thực sự thuận lợi để thu hút đầu tư.

Trước những thuận lợi và thách thức như trên toàn tổ hợp PVC đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 và đạt được kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Tỷ lệ HTKH (%)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
				Kế hoạch	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	4.355,36	3.100,00	2.165,34	70%	50%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	2.839,08	2.200,00	1.445,50	66%	51%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.899,59	3.800,00	3.474,08	91%	89%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	2.226,29	3.000,00	2.318,27	77%	104%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(415,26)	-	(388,24)	-	-
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	(367,07)	-	(125,02)	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(416,32)	-	(414,19)	-	-
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	(365,90)	-	(123,86)	-	-
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	321,07	205,00	183,31	89%	57%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	105,49	125,00	101,93	82%	97%
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	9,85	11,13	9,35	84%	95%
	Công ty mẹ		11,96	12,20	11,50	94%	96%

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 2.165,34 tỷ đồng, đạt 70% kế hoạch năm và bằng 50% so với năm 2017; Riêng Công ty mẹ thực hiện 1.445,50 tỷ đồng, đạt 66% kế hoạch năm và bằng 51% so với năm 2017.

- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 3.474,08 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch năm và bằng 89% so với năm 2017; Riêng Công ty mẹ thực hiện 2.318,27 tỷ đồng đạt 77% kế hoạch năm và bằng 104% so với năm 2017.

- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lỗ 388,24 tỷ đồng; riêng Công ty mẹ lỗ 125,02 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lỗ 414,19 tỷ đồng; riêng Công ty mẹ lỗ 123,86 tỷ đồng.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PVC tại thời điểm 31/12/2018 là 700,19 tỷ đồng, giảm 15% so với vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017. Lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2018 là 3.377,27 tỷ đồng.

1. Công tác triển khai thi công các công trình/ dự án trọng điểm

Trong năm 2018, Tổng công ty chủ yếu triển khai thực hiện các công trình trọng điểm như: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, công trình Viện Dầu khí phía Nam- giai đoạn 2 và một số nhỏ các công trình/dự án nhỏ lẻ khác được các đơn vị thành viên như PVC-MS, DOBC, PVC-Bình Sơn thực hiện.

Các dự án trọng điểm đang được tiếp tục triển khai như sau:

- *Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2:*

Tiến độ tổng thể của Hợp đồng EPC Thái Bình đến thời điểm 31/12/2018 đạt

82,86%. Đến thời điểm 31/3/2019, dự án đạt 82,97% tổng tiến độ.

Trong năm 2018, dự án đã đạt một số mốc tiến độ chính như sau:

- + Hoàn thành công tác nhận điện ngược Sân phân phối 220KV ngày 07/02/2018;
- + Hoàn thành thi công phần than Nhà điều khiển FGD: Tháng 3/2018;
- + Hoàn thành đóng cọc Cảng than, Cảng đá vôi: 5/5/2018;
- + Hoàn thành công tác thi công phần móng, gia công kết cấu thép kho than số 1: Tháng 2/2018; Hoàn thành thi công phần đế móng Kho than số 2,3: Tháng 8/2018;
- + Hoàn thành thi công lắp đặt kết cấu thép và tôn Kho đá vôi: Tháng 8/2018;
- + Hoàn thành đóng điện vào máy biến áp Trạm bơm nước ngọt ngày 6/11/2018.

Tại dự án, Tổng công ty đã nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn, cụ thể Tập đoàn đã thành lập Ban chỉ đạo đặc biệt về dự án NMNĐ Thái Bình 2 nhằm đẩy nhanh tiến độ dự án. Trong năm 2018, PVC và Ban QLDA đã hoàn thành ký Phụ lục bổ sung số 28, 29, 30, 31, 32 Hợp đồng EPC về việc không áp dụng khấu trừ 0,5% giá trị phần xây dựng cho hoạt động điều phối của Ban điều hành chung trên công trường, điều chỉnh một số nội dung tạm thanh toán, điều chỉnh tỷ lệ giữ lại, thu hồi tạm ứng, điều chỉnh mốc thanh toán phù hợp với tình hình thực tế thi công trên công trường.

Tuy nhiên, tại dự án gặp một số khó khăn, vướng mắc trong công tác lựa chọn thầu phụ cho các gói thầu cung cấp thiết bị, vật tư và dịch vụ ngoài SDC, vướng mắc về phê duyệt nhà thầu phụ/nhà cung cấp, phê duyệt thay đổi xuất xứ, cung cấp CO/CQ từ nhà sản xuất dẫn đến chậm nghiệm thu thanh toán giữa PVN và PVC,... Đặc biệt các khó khăn về tài chính cho việc thực hiện dự án do chênh lệch tỷ lệ thu hồi tạm ứng giữa Chủ đầu tư với Tổng thầu PVC và giữa PVC với các nhà thầu dẫn đến PVC luôn phải nợ các nhà thầu khoảng 17,5% giá trị thanh toán. Với tình hình tài chính khó khăn hiện nay, PVC không có nguồn kinh phí để bù đắp khoản chênh lệch này. Trong khi đó, hầu hết các đơn vị tham gia thi công tại dự án cũng rất khó khăn trong việc huy động nguồn vốn thực hiện dự án do đó tiến độ dự án bị ảnh hưởng tiêu cực.

- *Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1:*

Đã hoàn thành công tác thi công gói thầu xử lý nền và đang thực hiện công tác quyết toán. Hiện PVC đang tập trung thi công các hạng mục Turbine 2, kho than, hệ thống cảng,... của gói thầu thi công các hạng mục xây dựng. Tại dự án tiến độ thi công còn chậm do nhiều nguyên nhân: Tổng thầu Lilama chưa bàn giao mặt bằng đầy đủ để nhà thầu chủ động thi công; Chủ đầu tư/ Tổng thầu chưa phát hành bản vẽ thiết kế chiều dài cọc cho bển phao neo ảnh hưởng đến kế hoạch thi công; Tổng thầu Lilama còn chậm trễ trong thanh toán dẫn đến thiếu hụt nguồn tiền thi công, một số nhà thầu chưa tập trung huy động nguồn lực đủ để phục vụ thi công. Ngoài ra, việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tại dự án gặp nhiều khó khăn do bị Chủ đầu tư/ Tổng thầu cắt giảm một số hạng mục.

2. Công tác tái cơ cấu

2.1. Công tác kiện toàn tổ chức quản lý công ty Mẹ

- Trong năm 2018, PVC đã thực hiện công tác kiện toàn mô hình tổ chức Công ty mẹ Tổng công ty, sáp nhập 07 Ban/Văn phòng xuống 04 Ban chuyên môn. Hoàn thành công tác cơ cấu, sắp xếp lao động của các Ban chuyên môn/Văn phòng Đảng, Đoàn thể thuộc Cơ quan Tổng công ty năm 2018 theo phương án đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty chấp thuận.
- Đối với công tác quản trị nội bộ, Tổng Công ty đã yêu cầu các Ban chuyên môn/BĐHDA/Chi nhánh rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy trình/quy định nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế SXKD. Trong năm 2018, Tổng công ty đã hoàn thiện, sửa đổi 03 Quy chế nhằm phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của PVC, bao gồm: Quy chế trả lương Cơ quan Tổng công ty, Quy chế lương thực hiện tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, Quy chế Quản lý và đánh giá Người đại diện của PVC tại doanh nghiệp khác.

2.2. Công tác tái cơ cấu/ thoái vốn tại các đơn vị:

Tổng công ty đã ký hợp đồng với PSI để triển khai xây dựng quy trình thoái vốn góp của PVC tại các đơn vị thành viên. Đến nay đã phê duyệt và ban hành Quy trình thoái vốn góp của PVC tại các doanh nghiệp.

Trong năm 2018, PVC đã triển khai thực hiện công tác thoái vốn tại các đơn vị như sau:

- *Chuyển nhượng phần vốn góp tại INT:* Tổng công ty và các đơn vị thành viên (PVC-SG, PVC-MT, PVC-Petroland) đã hoàn thành công tác chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại INT. Tổng giá trị thu về 331,158 tỷ đồng (bao gồm giá trị chuyển nhượng 330,019 tỷ đồng và giá trị phạt vi phạm hợp đồng 1,139 tỷ đồng). Trong đó, Công ty mẹ Tổng công ty thu về 56,29 tỷ đồng, PVC-Petroland thu về 226,72 tỷ đồng, PVC-SG thu về 35,08 tỷ đồng, PVC-MT thu về 13,06 tỷ đồng.
- *Công tác giảm vốn điều lệ tại PVC-Bình Sơn:* Ngày 26/12/2018 PVC-Bình Sơn đã hoàn thành công tác điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, theo đó vốn điều lệ của PVC-Bình Sơn giảm từ 430 tỷ đồng xuống còn 365,5 tỷ đồng. Trong quý I/2019, PVC-Bình Sơn đã hoàn trả tiền góp vốn cho các cổ đông, theo đó PVC đã thu hồi được 64,13 tỷ đồng, toàn bộ khoản tiền này đã được PVC chuyển trả nợ khoản vay ủy thác của Tập đoàn qua Oceanbank (Trong đó, Công ty mẹ PVC: 30 tỷ đồng; PVC-IDICO: 30,23 tỷ đồng và 3,9 tỷ đồng nợ cổ tức năm 2010 của PVC-Đông Đô).
- *Chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng công ty tại PVC Land:* PVC đã báo cáo Tập đoàn tại các văn bản số 772/BC-XLDK ngày 07/3/2018 và số 590/XLDK-HĐQT ngày 17/10/2018 về công tác thoái vốn tại PVCLand, theo đó kiến nghị Tập đoàn báo cáo Bộ Tài chính và các cấp có thẩm quyền để xem xét thống nhất, phê duyệt mục tiêu thoái vốn của PVC tại PVCLand và các đơn vị có tình trạng tương tự với giá chuyển nhượng thấp hơn giá trị đã đầu tư đảm bảo nguyên tắc “thực hiện công khai, minh bạch, thu hồi vốn đầu tư ở mức cao nhất có thể, giảm thiểu tổn thất vốn đầu tư”. Ngày 30/11/2018 Tập đoàn đã có văn bản số

7346/DKVN-KTĐT báo cáo Bộ Tài chính về việc xem xét, hướng dẫn PVN/các đơn vị về các khó khăn vướng mắc trong việc thoái vốn dưới mệnh giá và có ý kiến với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đề các đơn vị thành viên Tập đoàn thực hiện công tác tái cơ cấu phù hợp với các quy định hiện hành. Hiện Tập đoàn/PVC đang chờ hướng dẫn của Bộ Tài chính để triển khai các thủ tục tiếp theo. Bên cạnh đó, PVC đang hoàn thiện văn bản trực tiếp báo cáo xin hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với công tác thoái vốn tại PVC Land.

- *Chuyển nhượng phần vốn góp của PVC tại PVC-IC:* Ngày 22/10/2018, Tổng công ty đã tổ chức cuộc họp giữa Người đại diện phần vốn của PVC tại PVC-IC và các Nhà đầu tư đang quan tâm và có nhu cầu góp vốn vào PVC-IC. Tuy nhiên các nhà đầu tư còn quan ngại về các khoản công nợ của PVC-IC và không có Nhà đầu tư nào tham gia cuộc họp. Hiện PVC đã chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PVC tại PVC-IC thực hiện: (i) Đơn đốc và hỗ trợ/hướng dẫn Nhà đầu tư (danh sách Nhà đầu tư đính kèm Báo cáo số 62/CV-NDD ngày 16/10/2018) ký Thỏa thuận khung với PVC; (ii) Đơn đốc và hướng dẫn NĐT thực hiện nghĩa vụ đặt cọc tiền mua cổ phiếu theo quy định tại Thỏa thuận khung.
- *Chuyển nhượng phần vốn góp của PVC tại PVC-Duyên Hải:* Đơn vị tư vấn AASC đã ban hành dự thảo chứng thư định giá với giá trị xác định là 8.752 đồng/CP tại PVC-Duyên Hải. Ngày 05/11/2018, PVC đã tiếp tục làm việc với Công ty CP Xuất nhập khẩu Sao Vàng về việc nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của PVC (7.740.000 CP – tương đương 42,47% vốn điều lệ) tại PVC-Duyên Hải với giá tối thiểu đảm bảo không thấp hơn giá đầu tư (≥ 10.000 đồng/cp). Tuy nhiên đến thời điểm báo cáo PVC chưa nhận được phản hồi từ Công ty CP Xuất nhập khẩu Sao Vàng.
- Bên cạnh đó PVC vẫn đang tích cực triển khai xúc tiến tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm để thực hiện thoái vốn tại các đơn vị PVC-Kinh Bắc, Petrolink,...

2.3. Công tác chuyển nhượng/chuyển giao các dự án:

- *Công tác chuyển giao dự án Soài Rạp – Tiền Giang:* Ngày 24/9/2018, UBND Tỉnh Tiền Giang đã ban hành Quyết định số 2668/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của PVC tại dự án. Thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và các Biên bản thỏa thuận giữa UBND Tỉnh – PVN – PVC, ngày 01/10/2018 PVC đã hoàn thành công tác bàn giao thực địa, bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thanh lý hợp đồng thuê đất với UBND tỉnh Tiền Giang. Tổng công ty đang tiếp tục phối hợp với Tập đoàn, UBND tỉnh Tiền Giang làm việc với các Bộ/Ban ngành để được hướng dẫn, thống nhất giá trị chuyển giao dự án. Ngày 12/10/2018, Bộ Kế hoạch Đầu tư đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ về phương án chuyển giao dự án. Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng giao các Bộ ban ngành hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và Chủ đầu tư Dự án thanh toán chi phí đã đầu tư do việc thu hồi đất Dự án, đảm bảo

đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của Chủ đầu tư. Căn cứ chỉ đạo trên, PVC cũng đã có công văn đề nghị tỉnh Tiền Giang tạo điều kiện hỗ trợ thanh toán một phần chi phí đã đầu tư tại văn bản số 498/XLTK-KHĐT&TCC ngày 04/3/2019. Bên cạnh đó, PVC tiếp tục triển khai công tác thống nhất giá trị thực hiện hợp đồng và thanh lý hợp đồng thuê đất với PVPipe.

- *Đối với việc khai thác khu đất 8,2ha tại xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa:* Thực hiện yêu cầu chỉ đạo của Tập đoàn, PVC đã thành lập Tổ thanh lý, điều chuyển tài sản và bàn giao hoàn trả mặt bằng khu đất 8,2ha tại xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay đang tiếp tục thực hiện/hoàn thiện các thủ tục thanh lý tài sản trên khu đất để bàn giao cho BQL khu công nghiệp.
- *Đối với việc chuyển nhượng 05 Căn hộ chung cư của Tổng công ty:* Chủ trương chuyển giao 05 căn hộ đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chấp thuận tại văn bản số 1809/DKVN-KH ngày 28/3/2018 và Hội đồng quản trị Tổng công ty chấp thuận tại văn bản số 169/NQ-XLTK ngày 26/3/2018. Tổng công ty đã hoàn thành công tác thuê đơn vị thẩm định giá thực hiện thẩm định giá trị của 05 căn hộ chung cư và tổ chức bán đấu giá lần 1. Tuy nhiên, phiên đấu giá không thành công do không có khách hàng đăng ký tham gia đấu giá. Hiện Tổng giám đốc đã báo cáo Hội đồng quản trị Tổng công ty về kết quả bán đấu giá lần 1, đồng thời đã ban hành Quyết định số 645/QĐ-XLTK ngày 19/03/2019 về việc phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá lần 2 đối 05 căn hộ chung cư của Tổng công ty tại Hà Nội. Hiện PVC đang thực hiện các thủ tục tiếp theo liên quan bán đấu giá lần 2.
- *Đối với việc quản lý khu đất tại Chùa Hà:* Tổng công ty đã thành lập Tổ công tác (Quyết định 3221/QĐ-XLTK ngày 09/10/2018) để triển khai việc rà soát, xây dựng phương án quản lý sử dụng khu đất 86 Chùa Hà. Hiện nay, Tổ công tác đang phối hợp với PVC-HN làm việc với Chi cục thuế quận Cầu Giấy để thống nhất việc thu/chi thuế sử dụng đất, đồng thời thực hiện xây dựng phương án sử dụng đất theo chỉ đạo của Tổng giám đốc Tổng công ty.

3. Công tác hợp đồng kinh tế, tài chính, kế toán và kiểm toán

3.1. Công tác tiếp thị đấu thầu và ký kết hợp đồng kinh tế:

- *Công tác tiếp thị đấu thầu:* Trong năm 2018, toàn tổ hợp đã tham gia dự thầu tại 25 dự án/công trình. Công ty mẹ không có hợp đồng ký mới. Các công ty con ký kết được 19 hợp đồng với các Chủ đầu tư/Tổng thầu, tổng giá trị các hợp đồng là 326,6 tỷ đồng. Trong đó PVC-MS ký kết 12 hợp đồng với giá trị 232 tỷ đồng, DOBC ký kết 06 hợp đồng với giá trị 94 tỷ đồng, PVC- Đông Đô ký được 01 hợp đồng với giá trị 0,67 tỷ đồng.
- *Công tác ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ:* Trong quá trình quản lý hợp đồng kinh tế đã bộc lộ những tồn tại như một số hợp đồng Tổng công ty đã ký kết với các đơn vị thành viên thi công các hạng mục công trình chính nhưng vì lý do chủ quan/khách quan đơn vị không đủ tiềm lực thực hiện tiếp đã dẫn đến Ban

ĐHDA/Tổng công ty phải có giải pháp ký với các đơn vị khác để tổ chức thực hiện phần khối lượng còn lại nhằm đảm bảo theo tiến độ Chủ đầu tư yêu cầu. Năm 2018, Công ty mẹ đã thực hiện ký kết 51 hợp đồng thầu phụ tại các dự án/công trình với tổng giá trị 780,64 tỷ đồng, bao gồm: dự án NMNĐ Thái Bình 2 (46 hợp đồng giá trị khoảng 449,90 tỷ đồng), dự án NMNĐ Sông Hậu 1 (05 hợp đồng giá trị 330,74 tỷ đồng).

3.2. Công tác tài chính, kế toán, kiểm toán:

- Hoàn thành quyết toán chi phí quản lý năm 2018 và phê duyệt/tạm phê duyệt dự toán chi phí quản lý năm 2019 của Cơ quan Tổng công ty. Thực hiện công tác kiểm tra, quyết toán chi phí quản lý năm 2018 của Ban ĐH các dự án của PVC tại phía Nam, Ban ĐHDA Ethanol Phú Thọ, Ban ĐHDA PVTex, Ban ĐHDA NMNĐ Thái Bình 2. Trên cơ sở đó Tổng giám đốc Tổng công ty đã ban hành các Chỉ thị yêu cầu các Ban chuyên môn/các Ban ĐHDA nghiêm túc thực hiện các kiến nghị nêu tại Biên bản kiểm tra quyết toán chi phí quản lý.
- Thu xếp vốn vay lưu động phục vụ dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và cân đối dòng tiền thu chi tại dự án để thanh toán một phần cho các nhà thầu phụ Tổng công ty.
- Báo cáo Tập đoàn về việc sử dụng số dư tiền gửi của PVC tại Oceanbank để thanh toán trả nợ một phần dư nợ gốc ủy thác của Tập đoàn qua Oceanbank tại văn bản số 651/BC-XLKD ngày 07/12/2018.
- Trong năm 2018, Tổng công ty đã thành lập Tổ công tác Thực hiện công tác kiểm tra, rà soát hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty tại các đơn vị tham gia góp vốn (quyết định 1029/QĐ-XLKD ngày 29/3/2018) và đã hoàn thành công tác rà soát tại 12 đơn vị: PVC-Petroland, PVC-Idico, PVC-Thanh Hóa, Công ty Lam Kinh, PVNC, PVC-IC, PVC-Mekong, PVC-Duyên Hải, PVC-Thái Bình, PVC-Bình Sơn, DOBC và PVC-Đông Đô. Trên cơ sở kết quả kiểm tra và kiến nghị của Tổ công tác, Tổng giám đốc Tổng công ty đã ban hành Chỉ thị về việc chỉ đạo các Ban chuyên môn/Người đại diện phần vốn tại các đơn vị nghiêm túc thực hiện các kiến nghị tại các Biên bản làm việc.
- *Đối với các khoản vay vốn ủy thác của Tập đoàn:* PVC đã thực hiện rà soát thực trạng các khoản vay ủy thác và đánh giá khả năng trả nợ của PVC/các đơn vị và báo cáo Tập đoàn về thực trạng các khoản vay ủy thác và phương án xử lý các khoản vay ủy thác của PVC/các đơn vị.

Trong năm 2018, PVC đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện trả gốc khoản vay ủy thác cho Tập đoàn 98,12 tỷ đồng (PVC-Petroland: 60,59 tỷ đồng và PVC-SG: 37,53 tỷ đồng), bên cạnh đó Công ty mẹ Tổng công ty trả 28,05 tỷ đồng từ nguồn thoái phần vốn góp tại INT. Tổng số dư các khoản vay ủy thác của PVC/các đơn vị tại thời điểm 31/12/2018 là: 828,86 tỷ đồng trong đó phải thu các đơn vị 466,55 tỷ đồng, PVC đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản phải thu của các đơn vị là 279,17 tỷ đồng.

Trong Quý I/2019, PVC đã tiếp tục thu xếp trả một phần nợ gốc từ nguồn giảm vốn điều lệ lần 1 của PVC- Bình Sơn với số tiền 64,13 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, số dư các khoản vay ủy thác của PVC và các đơn vị thành viên là 764,74 tỷ đồng. Trong đó: PVC sử dụng 328,42 tỷ đồng, các đơn vị 436,32 tỷ đồng (Khách sạn Lam Kinh: 200 tỷ đồng, PVC-SG: 142,3 tỷ đồng, IDICO Long Sơn: 71,39 tỷ đồng, PVNC: 22,62 tỷ đồng).

- *Đối với khoản bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán cho các đơn vị:* Tại thời điểm 31/12/2018, dư nợ bảo lãnh của Tổng công ty là 237,86 tỷ đồng, PVC đã thực hiện trích lập dự phòng 137,94 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Tổng công ty còn dư nợ bảo lãnh thanh toán chuyển nhượng Khách sạn Dầu khí Thái Bình đối với PVEP cho PVC-Thái Bình với giá trị 111,8 tỷ đồng.
- *Về công tác thu hồi/xử lý công nợ:* Trong năm 2018, Công ty mẹ PVC đã thực hiện xử lý thu hồi được là 120,15 tỷ đồng/259,39 tỷ đồng kế hoạch năm, đạt 46,32%. Số dư nợ chưa xử lý được theo kế hoạch chủ yếu là các khoản nợ liên quan đến quyết toán các dự án/công trình chưa hoàn thành so với tiến độ đề ra như: Khách Sạn Dầu khí Thái Bình, Chung cư Phú Đạt, Dự án NMNĐ Vũng Áng – Quảng Trạch, v.v... Bên cạnh đó còn một số các khoản công nợ khó khăn trong công tác thu hồi do đối tác đặc biệt khó khăn về tài chính (PVC-HN, PVC-MT, PVNC, PVC-ME...) và một số đơn vị không hợp tác với PVC trong việc xử lý công nợ (PVC- Trường Sơn, PVR, Vissai).

4. Công tác đầu tư

4.1. Đầu tư tài chính

- Năm 2018, PVC không thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty mẹ PVC đã thoái toàn bộ vốn góp tại INT thu về 56,29 tỷ đồng/ 48,7 tỷ đồng giá trị đầu tư. Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty mẹ PVC có vốn góp tại 29 đơn vị với giá trị đầu tư 3.100,03 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 09 Công ty con là 1.986,21 tỷ đồng, các đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 754,80 tỷ đồng và đầu tư tài chính khác (09 đơn vị) 359,03 tỷ đồng.
- Năm 2018, PVC thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính 48,10 tỷ đồng (bao gồm: hoàn nhập 21,25 tỷ đồng và trích lập bổ sung là 69,35 tỷ đồng). Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2018 là 1.678,04 tỷ đồng tương ứng 54% tổng giá trị đầu tư.

4.2. Đầu tư bất động sản, XD CB, hạ tầng và mua sắm máy móc thiết bị

- Năm 2018, Công ty mẹ Tổng công ty không thực hiện đầu tư. Tại các công ty con, chỉ có PVC- IC thực hiện đầu tư tại khu phức hợp TM-DV văn phòng và căn hộ tại đường 30/4 TP. Vũng Tàu với giá trị đầu tư ước thực hiện là 369,36 tỷ đồng. Do khó khăn về nguồn việc và nguồn vốn đầu tư, các đơn vị chi phối còn lại không thực hiện đầu tư trong năm 2018.

5. Công tác lao động, tiền lương, đào tạo

- Hoàn thiện phương án định biên lao động của các Ban chuyên môn/Văn phòng Đảng, Đoàn thể thuộc Cơ quan Tổng công ty năm 2018. Xây dựng, hoàn thiện Phương án sử dụng lao động do thay đổi cơ cấu tổ chức, sắp xếp lao động tại Cơ quan Tổng công ty, các Ban điều hành dự án phù hợp với sự thay đổi cơ cấu tổ chức, sắp xếp lao động tại Công ty mẹ- Tổng công ty. Tổng số CBCNV đến thời điểm 31/12/2018 của toàn Tổng công ty là 2.517 người, tại Công ty mẹ Tổng công ty là 368 người. Số lao động Công ty mẹ bao gồm lao động tại Cơ quan Tổng công ty: 125 người, lao động tại các Ban ĐHDA/ Chi nhánh: 213 người và lao động biệt phái tại các đơn vị: 30 người.
- Thực hiện kiện toàn công tác cán bộ tại Cơ quan Tổng công ty, các Ban điều hành dự án/Chi nhánh Tổng công ty và tại các đơn vị: PVC-MS, PVC-IC, DOBC, PVC-ID, Petroland, PVC-Mekong, PVC-Duyên Hải, PVC-HN, PVC-SG, PVC-IDICO.
- Tổng công ty đã phê duyệt, ban hành Quy chế trả lương Cơ quan Tổng công ty phù hợp với việc định biên sắp xếp lại lao động Cơ quan Tổng công ty; tạm phê duyệt, ban hành Quy chế lương thực hiện tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2; ban hành Quy chế Quản lý và Đánh giá người đại diện của PVC tại các doanh nghiệp khác. Thu nhập bình quân năm 2018 của lao động định biên toàn Tổng công ty là 9,35 triệu đồng/người/tháng, bằng 84% kế hoạch năm. Trong đó Công ty mẹ là: 11,50 triệu đồng/người/tháng, bằng 94% kế hoạch năm.
- Năm 2018, trong bối cảnh đặc biệt khó khăn về kinh phí, toàn Tổng công ty đã thực hiện đào tạo cho 2.549 lượt học viên (đạt 116% kế hoạch năm) với kinh phí thực hiện là 4,79 tỷ đồng (đạt 76% kế hoạch năm). Công ty mẹ đã tổ chức đào tạo cho 47 lượt người (chưa tính số người được đào tạo nội bộ và số học viên tự túc kinh phí đào tạo) với kinh phí đào tạo 121 triệu đồng.
- Đã hoàn thành trước thời hạn việc chuyển đổi hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (Chứng nhận cấp ngày 9/8/2018) đảm bảo tính liên tục của hệ thống; Đào tạo và cấp chứng chỉ cho đội ngũ đánh giá viên nội bộ (15 người) theo đúng quy định của tổ chức ISO Quốc tế; Hoàn thành đánh giá hệ thống An toàn, Sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 theo đúng quy định.

6. Kết quả đạt được

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 của Tổng công ty và 16 đơn vị trong Tổng công ty.
- Trong năm 2018, đã ký Phụ lục bổ sung số 28, 29, 30, 31, 32 Hợp đồng EPC NMNĐ Thái Bình 2 về việc không áp dụng khấu trừ 0,5% giá trị phần xây dựng cho hoạt động điều phối của Ban điều hành chung trên công trường, điều chỉnh một số nội dung tạm thanh toán, điều chỉnh tỷ lệ giữ lại, thu hồi tạm ứng, điều chỉnh mốc thanh toán phù hợp với tình hình thực tế thi công trên công trường.
- Hoàn thành công tác thoái toàn bộ vốn tại đơn vị INT giảm số đầu mối các đơn vị PVC góp vốn xuống còn 29 đơn vị.

- Trong năm 2018 Công ty mẹ PVC dự kiến thực hiện thu hồi, xử lý 120,15 tỷ đồng/259,39 tỷ đồng, đạt 46,32% kế hoạch năm 2018
- Trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí được PVC triển khai sâu rộng tới toàn thể các đơn vị, người lao động trong toàn Tổng công ty. Năm 2018, toàn Tổng công ty ước thực hiện tiết giảm được 18,15 tỷ đồng/18,92 tỷ đồng kế hoạch tiết giảm chi phí đã đăng ký với Tập đoàn.

7. Một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong năm 2018 nêu trên, Tổng công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc từ các nguyên nhân khách quan và chủ quan làm tác động tiêu cực đến công tác triển khai, thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch, cụ thể:

- Tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 là dự án hiện nay đem lại sản lượng- doanh thu chủ yếu của PVC: Năm 2018, dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 vẫn trong tình trạng thiếu hụt dòng tiền, nhiều đơn vị thi công không còn đủ năng lực tài chính thực hiện thi công, một số gói thầu không hoàn thành được lựa chọn nhà thầu do không có nhà thầu tham gia hoặc phải xử lý tình huống đấu thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ của dự án, không hoàn thành được kế hoạch đã đề ra. Mặc dù đến thời điểm hiện tại đã được Tập đoàn/ Ban QLDA chấp thuận một số giải pháp cấp bách để tháo gỡ khó khăn tại dự án nhưng PVC vẫn không thể hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Sản lượng- Doanh thu năm 2018 đã được phê duyệt do các giải pháp chưa được xử lý đồng bộ và kịp thời.
- Tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1 gặp rất nhiều khó khăn trong công tác thu hồi vốn do Chủ đầu tư/ Tổng thầu chậm phê duyệt đơn giá đối với công việc chưa có đơn giá trong Hợp đồng hoặc có đơn giá nhưng chưa phù hợp;
- Tiến độ thi công tại một số các công trình/ dự án khác còn chậm so với kế hoạch do: công tác giải phóng, bàn giao mặt bằng, công tác phê duyệt thay đổi thiết kế của chủ đầu tư còn chậm; khó khăn trong công tác thu xếp vốn; công tác hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ quyết toán tại các Ban điều hành/ đơn vị thi công còn chưa quyết liệt. Một số dự án hoàn thành thi công, tuy nhiên công tác quyết toán kéo dài làm ảnh hưởng tới kế hoạch doanh thu, đồng thời phát sinh chi phí quản lý của Tổng công ty như dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam- giai đoạn 1,...
- Giá trị khối lượng dở dang/công nợ phải thu tại các công trình lớn, nhiều khoản công nợ/khối lượng dở dang tại một số đơn vị tồn tại từ lâu nhưng vẫn chưa thực hiện quyết toán và thu hồi dứt điểm. Nguyên nhân do các dự án, công trình hoàn thành đã lâu nhưng hồ sơ quyết toán vẫn chưa xong do những thay đổi, biến động về nhân sự của Tổng công ty và các đơn vị, những người có trách nhiệm và nắm bắt về công tác hồ sơ điều nghi việc và chuyển công tác, quá trình giao nhiệm vụ cho các cán bộ mới vào nắm bắt và xử lý lại công việc mất rất nhiều thời gian, công tác hồ sơ tại chính các đơn vị thi công trực tiếp làm chậm.

- Việc quyết toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản tại một số đơn vị chưa hoàn thành kế hoạch đề ra như tại dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình, Chung cư Phú Đạt.
- Công tác tìm kiếm nguồn việc mới gặp rất nhiều khó khăn. Các hợp đồng ký mới được rất ít, giá trị nhỏ. Công ty mẹ và các đơn vị chủ yếu thực hiện các công trình/ dự án chuyển tiếp từ các năm trước, giá trị còn lại rất thấp. Khả năng tự tìm kiếm nguồn việc mới của các đơn vị còn yếu.
- Hầu hết các công ty con không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Chỉ có 02/09 công ty con là DOBC và PVC-IC có kết quả SXKD không lỗ, các đơn vị còn lại đều thua lỗ đã ảnh hưởng xấu tới kết quả sản xuất kinh doanh của hợp nhất toàn Tổng công ty.
- Công tác thoái vốn góp đầu tư tài chính gặp nhiều vướng mắc do phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PVC đều thua lỗ nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng có nhiều khó khăn hoặc các đối tác đưa ra mức giá nhận chuyển nhượng quá thấp. Ngoài ra những vướng mắc thủ tục pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện cũng dẫn đến quá trình thoái vốn kéo dài.
- Công tác thoái vốn tại các dự án bất động sản của một số đơn vị còn chậm và chưa hoàn thành dẫn đến nguồn vốn còn tồn đọng lớn, thiếu vốn lưu động phục vụ công tác thi công các công trình như PVC-Bình Sơn, PVC-Duyên Hải, PVC-Đông Đô,...
- Công tác thu hồi/xử lý công nợ của Công ty mẹ PVC không hoàn thành kế hoạch do nhiều nguyên nhân như: Công tác quyết toán các dự án/công trình của TCT chưa thực hiện được theo kế hoạch đề ra trong khi kế hoạch xử lý công nợ năm 2018, có 167,30 tỷ đồng/259,39 tỷ đồng là liên quan đến công tác quyết toán của 22 đầu mục dự án/công trình, chiếm 64,5% tổng số công nợ cần xử lý năm 2018; Các đơn vị liên quan đến công nợ với PVC hoặc các đơn vị khác hầu hết là đang rất khó khăn về tài chính không có khả năng thanh toán như: PVC-MT; PVC-ME; PVC-HN; PVNC...; Một số đơn vị chưa hợp tác với PVC để xử lý công nợ như: Vissai; PVC-TS, PVR....
- Những tồn tại của các năm trước tiếp tục bộc lộ, Tổng công ty phải thực hiện trích lập dự phòng công nợ phải thu, giá trị sản xuất kinh doanh dở dang, hạch toán các chi phí chênh lệch, chi phí phát sinh thiếu đầu thu từ dự án NMNĐ Thái Bình 2. Do đó đã ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh năm 2018 và các năm tiếp theo.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Năm 2019, PVC tiếp tục phải đối diện với các khó khăn về việc tìm kiếm nguồn công việc cũng như các rủi ro tiềm ẩn tiếp tục bộc lộ. Tổng Công ty PVC đã thực hiện xây dựng mục tiêu kế hoạch năm 2019 kính trình Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018			Kế hoạch năm 2019
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)	
1	Giá trị SXKD	tỷ đồng	3.100,00	2.165,34	70%	2.200,00
	<i>Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	2.200,00	1.445,50	66%	1.200,00
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	3.800,00	3.474,08	91%	3.200,00
	<i>Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	3.000,00	2.318,27	77%	2.400,00
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	-	(388,24)	-	-
	<i>Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	-	(125,02)	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-	(414,19)	-	-
	<i>Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	-	(123,86)	-	-
5	Nộp NSNN	tỷ đồng	205,00	183,31	89%	150,00
	<i>Công ty mẹ</i>	tỷ đồng	125,00	101,93	82%	90,00
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	11,13	9,35	84%	10,50
	<i>Công ty mẹ</i>	Tr.đ/ tháng	12,20	11,50	94%	12,15

2. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo hoàn thành và phân đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 đã đề ra;
- Quyết liệt thực hiện công tác tái cơ cấu theo kế hoạch đã được Tập đoàn tạm phê duyệt/phê duyệt tại các văn bản: Nghị quyết số 2627/QĐ-DKVN ngày 31/12/2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22/1/2018 và Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21/6/2018 và/hoặc phương án tái cơ cấu giai đoạn 2019-2020 của Tổng công ty sau khi được Tập đoàn chính thức phê duyệt;
- Tập trung tăng cường công tác điều hành thi công và triển khai các dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đặc biệt chú trọng các nhiệm vụ trọng tâm tại các dự án trọng điểm Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, dự án NMNĐ Sông Hậu 1, dự án Khu đào tạo quốc tế - Học viện an ninh Nhân dân, dự án Viện Dầu khí phía Nam - giai đoạn 2...; Hoàn thành nghiệm thu thanh quyết toán: gói thầu Nạo vét lần đầu BoQ1 tại dự án LHD Nghi Sơn, gói thầu số 3, số 5 - hạ tầng dùng chung NMNĐ Thái Bình, dự án NMNĐ Vũng Áng 1 (sau khi được Tập đoàn phê duyệt phát sinh chưa lường trước), dự án Viện Dầu khí Phía Nam - giai đoạn 1; Gói thầu xử lý nền dự án NMNĐ Sông Hậu 1...;
- Khẩn trương làm việc với các nhà thầu phụ, đặc biệt là các nhà thầu phụ nước ngoài (SDC, FLS, WP,...) tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 giải quyết các vướng mắc, tránh xảy ra kiện tụng hoặc phạt hợp đồng làm phát sinh chi phí, ảnh hưởng đến dòng tiền của PVC triển khai dự án;
- Tập trung nhân lực, đẩy nhanh tiến độ thi công, công tác hoàn thiện hồ sơ chất lượng, nghiệm thu, thanh quyết toán các dự án/hạng mục/công trình, trong đó đặc

- biệt lưu ý đối với dự án NMNĐ Thái Bình 2 để thu hồi vốn, quay vòng vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích; Tập trung rà soát, xử lý chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, đặc biệt đối với các dự án/hạng mục/công trình dự báo khó có nguồn thu bù đắp theo quy định tại các Hợp đồng đã được ký kết để có giải pháp xử lý và ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh theo đúng các quy định hiện hành;
- Chỉ đạo quyết liệt trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các dự án/công trình, thu hồi nợ cá nhân, bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, quản lý dòng tiền theo từng dự án/gói thầu/hạng mục công việc, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng vốn từ Công ty mẹ tới các doanh nghiệp có vốn góp, đồng thời nâng cao năng lực hoạt động, tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tránh lệ thuộc vào Công ty mẹ đặc biệt về công ăn việc làm;
 - Huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung nâng cao năng lực thi công, khả năng cạnh tranh để trở thành một nhà thầu EPC chuyên nghiệp có đủ kinh nghiệm và năng lực, có khả năng đảm nhiệm xây lắp các dự án lớn trong và ngoài ngành; mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, dần hạn chế mức độ phụ thuộc vào các dự án trong ngành;
 - Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác đấu thầu để đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2019, theo đó đặc biệt chú trọng xây dựng và hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật, nâng cao chất lượng công tác xây dựng dự toán gói thầu/hạng mục công việc từ khâu chuẩn bị hồ sơ để làm cơ sở kiểm soát chi phí; Trong đó tập trung tham gia đấu thầu tại các hạng mục dự án Nhà máy Lọc dầu Long Sơn, NMNĐ Long Phú 1, dự án Kê Gà, ... ;
 - Thường xuyên thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá và giám sát tình hình hoạt động, tài chính của các doanh nghiệp có vốn góp của PVC để có các giải pháp hỗ trợ và xử lý kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn của Công ty mẹ; nâng cao vai trò và trách nhiệm của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư của Công ty mẹ tại các đơn vị thành viên;
 - Cân đối dòng tiền, có kế hoạch hoàn trả vốn ủy thác mà Tập đoàn đã cho PVC và các công ty con vay theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
 - Chỉ đạo các đơn vị thành viên khẩn trương thoái vốn tại các dự án bất động sản nhằm thu hồi vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn vay và bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của đơn vị;
 - Kiểm soát chặt chẽ và tăng cường tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; Quán triệt triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí quản lý, tập trung giảm giá thành và nâng cao hiệu quả kinh doanh;
 - Tiếp tục rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời

đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của Tổng công ty;

- Xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng, đặc biệt việc xử lý công nợ và vật tư tài sản tồn đọng; Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, cân đối dòng tiền và quản trị rủi ro;
- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng thương hiệu của các đơn vị thành viên theo đúng quy định của Tập đoàn;
- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân sự, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công để có thể triển khai các công trình/dự án trọng điểm của Tập đoàn và của các chủ đầu tư giao, đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu;
- Tiếp tục kiện toàn, tối ưu hóa bộ máy điều hành từ Tổng công ty tới các ban điều hành dự án, đồng thời tổ chức sắp xếp lại nhân sự dự án, lao động cho phù hợp nhằm nâng cao năng suất lao động và tiết giảm chi phí quản lý./.

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019

Để thực hiện được kế hoạch SXKD năm 2019 đề ra, Tổng công ty cần tập trung mọi nguồn lực về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, PVC đã đề ra các giải pháp trong từng lĩnh vực như sau:

a) Công tác tái cấu trúc

- Rà soát, thực hiện thoái toàn bộ phần vốn góp của PVC tại các công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính không nằm trong lĩnh vực hoạt động SXKD chính của Tổng công ty trên cơ sở 3 nguyên tắc: (1) Phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; (2) Phù hợp với nguyên tắc và điều kiện thị trường; (3) Bảo toàn cao nhất vốn nhà nước ở mức cao nhất. Phương thức, giá bán và tiến độ thực hiện đối với từng khoản mục sẽ được xây dựng phương án chi tiết báo cáo các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Thực hiện công tác giải thể phá sản các đơn vị không còn khả năng hoạt động liên tục sau khi triển khai công tác xử lý tối đa các khoản công nợ, vướng mắc giữa đơn vị với PVC và các đơn vị của PVC phù hợp với các quy định của Pháp luật.

b) Công tác tiếp thị đấu thầu

- Xây dựng kế hoạch cụ thể trong công tác tiếp thị đấu thầu của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn, các đơn vị trực thuộc Tập đoàn và các chủ đầu tư ngoài ngành. Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác tiếp thị, đấu thầu, tổ chức hợp tác, liên danh với các đơn vị khác để đẩy mạnh thực hiện công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn công việc đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2019 cũng như nguồn việc gối đầu cho những năm sau/giao cho các đơn vị thành viên thực hiện để hỗ trợ đơn vị phát triển theo định

hướng phát triển của Tổng công ty. Trong năm 2019 tập trung tiếp thị đối với các gói thầu thuộc dự án NMNĐ Long Sơn, dự án Nhà máy điện gió Kê Gà,...

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống nguồn dữ liệu, trong đó bao gồm dữ liệu và hồ sơ năng lực kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự, Hồ sơ năng lực nhân sự, hồ sơ máy móc thiết bị, dự liệu về nhà cung cấp, định mức, đơn giá nội bộ của Tổng công ty,... Kiện toàn tổ chức và xây dựng quy chế hoạt động của Tổ tiếp thị đấu thầu đồng thời xây dựng, hoàn thiện quy chế đấu thầu, quy chế quản lý chi tiêu nội bộ trong đấu thầu của PVC.

c) Công tác tài chính kế toán

- Lập kế hoạch, chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho các công trình/dự án đang thi công cũng như hoạt động SXKD của Tổng công ty trong năm 2019, đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2. Tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích.
- Tính toán hiệu quả kinh tế, tiết giảm tối đa chi phí quản lý, tối đa hóa lợi nhuận tại các dự án, kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Tăng cường kiểm soát tài chính tại các Ban điều hành dự án, làm việc với các đơn vị xem xét hiệu quả, thực trạng và có biện pháp tăng cường hạch toán kinh doanh.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát công tác hạch toán kế toán tại các Ban điều hành, các đơn vị thành viên từ đó có những chỉ đạo cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán. Kiện toàn bộ máy làm công tác tài chính kế toán từ công ty mẹ tới các Công ty con và các Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty.
- Tiếp tục rà soát các khoản công nợ phải thu, giá trị khối lượng dở dang tại các công trình/dự án, các đơn vị. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/xử lý nợ trong năm 2019 và quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.

d) Công tác chỉ đạo, điều hành thi công tại các công trình

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành thi công và triển khai các dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2:
 - + Nâng cao vai trò trách nhiệm của Tổng thầu EPC trong việc thực hiện hợp đồng EPC, chủ động xử lý, giải quyết công việc thuộc phạm vi hợp đồng EPC đã ký.
 - + Rà soát tổng thể các hợp đồng giữa PVC và PVN, giữa PVC và các nhà thầu thi công, khẩn trương điều chỉnh thông qua các phụ lục hợp đồng. Chủ động đề xuất điều chuyển, cắt giảm phạm vi công việc, thay thế bằng nhà thầu khác có năng lực đối với các nhà thầu không đáp ứng yêu cầu tại dự án.

- + Tiếp tục chủ động làm việc với Ban QLDA để điều chỉnh các mốc thanh toán cho phù hợp với tình hình thực tế tại công trường. Tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu SXKD.
 - + Củng cố, tăng cường bộ máy trong công tác nghiên cứu các quy định của hợp đồng, quy định pháp luật để có thể bảo vệ quyền lợi PVC nếu xảy ra tranh chấp hoặc có kế hoạch ký hợp đồng dài hạn với đơn vị tư vấn luật để hỗ trợ PVC.
 - Quyết liệt thực hiện công tác quyết toán tại các công trình/ dự án đã hoàn thành công tác thi công như: dự án NMNĐ Vũng Áng 1, gói thầu Xử lý nền- NMNĐ Sông Hậu 1, dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình,...
 - Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát thi công trên các công trường, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện dự án, kịp thời giải quyết vướng mắc trong quá trình thi công. Tổ chức thi công khoa học, quản lý, theo dõi chặt chẽ các đơn vị thi công để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của PVC.
 - Rà soát đánh giá năng lực của các đơn vị, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các đơn vị trong công tác thi công xây dựng. Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát và chỉ đạo các đơn vị trong quá trình triển khai dự án.
 - Tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong toàn Tổng công ty, chuẩn hóa các quy trình, quy định về quản lý, tổ chức thi công, tổ chức công trường, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân.
- e) Công tác tổ chức quản lý, nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty đảm bảo phù hợp với các Quy định của Nhà nước và điều lệ của Tổng công ty.
 - Tiếp tục kiện toàn, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu gọn nhẹ, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, đặc biệt chú trọng thực hiện tại Ban điều hành dự án NMNĐ Thái Bình 2. Rà soát, tổ chức sắp xếp lại lao động nhằm mục tiêu giảm lao động gián tiếp, tăng lao động trực tiếp và phát huy trình độ, năng lực của người lao động.
 - Hoàn thành xây dựng phương án về việc di chuyển trụ sở văn phòng Tổng công ty sẽ hết hạn hợp đồng thuê cũ vào tháng 1/2020.
 - Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hút cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có năng lực, am hiểu công nghệ, có kinh nghiệm nhằm xây dựng đội ngũ CBCNV đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, đặc biệt là đội ngũ làm công tác quản lý, điều hành dự án.
 - Thường xuyên thực hiện tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại để xây dựng đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, có trình độ cao. Tăng cường thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và đào tạo chuyên sâu định hướng chuyên gia cho đội ngũ cán

bộ làm công tác thiết kế, thi công công trình áp dụng các công nghệ tiên tiến vào việc thực hiện các dự án.

- Thực hiện công tác quản lý, đôn đốc và giám sát thực hiện về lao động, tiền lương, thu nhập và chế độ chính sách của công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn và thực tế hoạt động SXKD của Tổng công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2019 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty:

Năm 2018 tiếp tục là một năm đầy thách thức trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Tổng công ty và các đơn vị thành viên tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn do lỗ lũy kế từ giai đoạn trước để lại, hạn chế về nguồn việc làm cũng như nguồn lực tài chính, con người. Bên cạnh đó, các dự án đang triển khai cũng tiềm ẩn rất nhiều các rủi ro, nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả của dự án nói riêng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty nói chung. Khái quát những khó khăn thách thức đối với PVC trong năm 2018 như sau:

- Mặc dù được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn, Đảng ủy, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc PVC đã nỗ lực tìm kiếm và thực hiện nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, tuy nhiên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của PVC không đạt được kế hoạch đã được Tập đoàn phê duyệt.

- Công tác tìm kiếm nguồn việc mới gặp rất nhiều khó khăn. Các hợp đồng ký mới được rất ít, giá trị nhỏ. Công ty mẹ và các đơn vị chủ yếu thực hiện các công trình/ dự án chuyển tiếp từ các năm trước, giá trị còn lại rất thấp. Khả năng tự tìm kiếm nguồn việc mới của các đơn vị còn yếu.

- Hầu hết các công ty con không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Chỉ có 02/09 công ty con là DOBC và PVC-IC có kết quả SXKD không lỗ, các đơn vị còn lại đều thua lỗ đã ảnh hưởng xấu tới kết quả sản xuất kinh doanh của hợp nhất toàn Tổng công ty.

- Công tác thoái vốn góp đầu tư tài chính gặp nhiều vướng mắc do phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PVC đều thua lỗ nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng có nhiều khó khăn hoặc các đối tác đưa ra mức giá nhận chuyển nhượng quá thấp. Ngoài ra những vướng mắc thủ tục pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện cũng dẫn đến quá trình thoái vốn kéo dài.

- Công tác thu hồi/xử lý công nợ không hoàn thành kế hoạch do nhiều nguyên nhân như: Công tác quyết toán các dự án/công trình chưa thực hiện được theo kế hoạch đề ra, các đơn vị liên quan đến công nợ với PVC hoặc các đơn vị khác hầu hết là đang rất khó khăn về tài chính không có khả năng thanh toán.

Ngoài những khó khăn, thách thức nêu trên, việc các cơ quan pháp luật tiếp tục thực hiện công tác điều tra, làm ảnh hưởng đến tâm lý CBCNV toàn Tổng công ty. Bên cạnh đó khi PVC làm việc với các Chủ đầu tư/ đối tác/ Khách hàng cũng gặp nhiều hạn chế dẫn đến hoạt động SXKD của PVC ngày càng gặp khó khăn, đặc biệt trong công tác tiếp thị, tìm nguồn việc mới.

Bước vào năm 2018, tập thể lãnh đạo Thường vụ - Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Tổng công ty đặt ra 3 nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện của Tổng công ty là:

- 1) Hoạt động sản xuất kinh doanh: thi công xây dựng tại các dự án đang thực hiện dở dang, quyết toán trong đó tập trung hoàn thành dự án NMNĐ Thái Bình 2 và dự án NMNĐ Sông Hậu 1;
- 2) Tái cơ cấu PVC theo đề án đã được Tập đoàn phê duyệt tại Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21/6/2018, theo đó PVC thoái hết vốn tại các đơn vị chỉ giữ lại 02 đơn vị nòng cốt là Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (ĐOBC)
- 3) Xử lý trả nợ khoản vay ủy thác của Tập đoàn dầu khí Việt Nam, đã đến hạn trả vào ngày 31/12/2017.

Trên cơ sở Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị đã xây dựng chương trình làm việc, đưa ra các định hướng, chỉ đạo Tổng giám đốc xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp cụ thể nhằm khai thác tối đa các yếu tố thuận lợi, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV trong toàn Tổng công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch đề ra và đã đạt được một số kết quả sau:

- Tại dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2: Tiến độ tổng thể của dự án đến thời điểm 31/12/2018 đạt 82,872%. Chủ đầu tư tiếp tục có các văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ/ Thường trực chính phủ, Bộ Công thương về các khó khăn vướng mắc và đề xuất các giải pháp tháo gỡ để hoàn thành dự án, đồng thời Chủ đầu tư có các giải pháp hỗ trợ dòng tiền, điều chỉnh dự toán để thúc đẩy hoàn thành dự án.

Trong năm 2018, Tổng công ty đã ký các Phụ lục bổ sung số 28, 29, 30, 31, 32 sửa đổi bổ sung Hợp đồng EPC NMNĐ Thái Bình 2 về việc điều chỉnh giảm phạm vi công việc 2 ngăn lộ bổ sung sân phân phối, bổ sung nội dung quy định tạm thanh toán, điều chỉnh mốc thanh toán phù hợp với tình hình thực tế thi công trên công trường.

- Trong công tác tái cơ cấu:
 - + Trong năm 2018, đã thực hiện kiện toàn mô hình tổ chức Công ty mẹ Tổng công ty, sáp nhập 07 Ban/Văn phòng xuống 04 Ban chuyên môn. Hoàn thành công tác cơ cấu, sắp xếp lao động của các Ban chuyên môn/Văn phòng Đảng, Đoàn thể thuộc Cơ quan Tổng công ty.
 - + Hoàn thành công tác thoái toàn bộ vốn của Tổng công ty và các đơn vị thành viên (PVC-SG, PVC-MT, PVC-Petroland) tại INT (tổng giá trị thu về 331,158 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ Tổng công ty thu về 56,29 tỷ đồng), giảm số đầu mối các đơn vị PVC góp vốn xuống còn 29 đơn vị.
 - + Công tác giảm vốn điều lệ tại PVC-Bình Sơn: Ngày 26/12/2018 PVC-Bình Sơn đã hoàn thành công tác điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giảm vốn điều lệ từ 430 tỷ đồng xuống còn 365,5 tỷ đồng. Trong quý I/2019, PVC-Bình Sơn đã hoàn trả tiền góp vốn cho các cổ đông, theo đó PVC đã thu hồi được 64,13 tỷ đồng (trong đó, Công ty mẹ PVC: 30 tỷ đồng).

- Về thu hồi công nợ: Trong năm 2018, Công ty mẹ PVC đã thực hiện xử lý thu hồi được là 120,15 tỷ đồng/259,39 tỷ đồng kế hoạch năm, đạt 46,32%. Số dư nợ chưa xử lý được theo kế hoạch chủ yếu là các khoản nợ liên quan đến quyết toán các dự án/công trình chưa hoàn thành so với tiến độ đề ra.
- Đối với các khoản vay vốn ủy thác của Tập đoàn: Trong năm 2018, PVC và các đơn vị đã thực hiện trả gốc khoản vay ủy thác cho Tập đoàn là 126,17 tỷ đồng (trong đó Công ty mẹ Tổng công ty trả 28,05 tỷ đồng từ nguồn thoái phần vốn góp tại INT; PVC-Petroland: 60,59 tỷ đồng và PVC-SG: 37,53 tỷ đồng). Trong Quý I/2019, PVC đã tiếp tục thu xếp trả một phần nợ gốc từ nguồn giảm vốn điều lệ lần 1 của PVC- Bình Sơn với số tiền 64,13 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, số dư các khoản vay ủy thác của PVC và các đơn vị thành viên là 764,74 tỷ đồng. Trong đó: PVC sử dụng 328,42 tỷ đồng, các đơn vị 436,32 tỷ đồng (Khách sạn Lam Kinh: 200 tỷ đồng, PVC-SG: 142,3 tỷ đồng, IDICO Long Sơn: 71,39 tỷ đồng, PVNC: 22,62 tỷ đồng).
- Công tác tiếp thị đấu thầu: trong năm 2018, Tổng công ty PVC đã ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Tổ hợp nhà đầu tư để triển khai thực hiện các thủ tục xin cấp phép đầu tư dự án điện gió ngoài khơi tại tỉnh Bình Thuận.
- Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí được PVC triển khai sâu rộng tới toàn thể các đơn vị, người lao động trong toàn Tổng công ty. Năm 2018, toàn Tổng công ty ước thực hiện tiết giảm được 18,15 tỷ đồng/ 18,92 tỷ đồng kế hoạch tiết giảm chi phí đã đăng ký với Tập đoàn.

Một số chỉ tiêu kinh tế chính trong năm 2018 của Tổng công ty

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 2.165,34 tỷ đồng, đạt 70% kế hoạch năm và bằng 50% so với năm 2017; Riêng Công ty mẹ thực hiện 1.445,50 tỷ đồng, đạt 66% kế hoạch năm và bằng 51% so với năm 2017.
- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 3.474,08 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch năm và bằng 89% so với năm 2017; Riêng Công ty mẹ thực hiện 2.318,27 tỷ đồng đạt 77% kế hoạch năm và bằng 104% so với năm 2017.
- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lỗ 388,24 tỷ đồng; riêng Công ty mẹ lỗ 125,02 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lỗ 414,19 tỷ đồng; riêng Công ty mẹ lỗ 123,86 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PVC tại thời điểm 31/12/2018 là 700,19 tỷ đồng, giảm 15% so với vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017. Lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2018 là 3.377,27 tỷ đồng.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2019, HĐQT đã xác định Tổng công ty tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, ngoài các yếu tố từ nguồn lực của PVC thì các yếu tố rủi ro tiềm ẩn sẽ tiếp tục bộc lộ. HĐQT đã chỉ đạo Tổng giám đốc hết sức thận trọng khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với các nội dung cụ thể như sau:

2.1 Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
1	Giá trị SXKD	2.165,34	2.200,00	101,60%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>1.445,50</i>	<i>1.200,00</i>	<i>83,02%</i>
2	Tổng doanh thu	3.474,08	3.200,00	92,11%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>2.318,27</i>	<i>2.400,00</i>	<i>103,53%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	-388,24	-	
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>-125,02</i>	<i>-</i>	
4	Lợi nhuận sau thuế	-414,19	-	
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>-123,86</i>	<i>-</i>	
5	Nộp NSNN	183,31	150	81,83%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>101,93</i>	<i>90</i>	<i>88,30%</i>
6	Thu nhập bình quân	9,35	10,5	112,30%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>11,5</i>	<i>12,15</i>	<i>105,65%</i>

2.2 Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

HĐQT xây dựng các giải pháp trọng tâm để chỉ đạo triển khai đồng bộ, thực hiện quyết liệt hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế năm 2019, cụ thể:

- Đàm phán với cổ đông lớn – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về khoản công nợ vay ủy thác qua Oceanbank theo hướng khoan nợ gốc, tiếp tục gia hạn thời hạn trả nợ gốc, miễn/giảm lãi phát sinh.
- Quyết liệt thực hiện công tác tái cơ cấu theo kế hoạch đã được Tập đoàn tạm phê duyệt/phê duyệt tại các văn bản: Nghị quyết số 2627/QĐ-DKVN ngày 31/12/2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22/1/2018 và Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21/6/2018 và/hoặc phương án tái cơ cấu giai đoạn 2019-2020 của Tổng công ty sau khi được Tập đoàn chính thức phê duyệt;
- Tập trung tăng cường công tác điều hành thi công và triển khai các dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đặc biệt chú trọng các nhiệm vụ trọng tâm tại các dự án trọng điểm Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, dự án NMNĐ Sông Hậu 1, dự án Khu đào tạo quốc tế - Học viện an ninh Nhân dân, dự án Viện Dầu khí phía Nam - giai đoạn 2...; Tăng cường công tác giám sát, điều hành và điều phối công tác thi công trên công trường. Trong đó, Công ty mẹ

Tổng công ty/các đơn vị thành viên cần ưu tiên, tập trung mọi nguồn lực cho dự án NMNĐ Thái Bình 2.

- Tập trung các nguồn lực để triển khai thực hiện dự án NMNĐ Thái Bình 2 theo các mốc tiến độ chi tiết hoàn thành trong năm 2019 để có cơ sở hoàn thành dự án trong thời gian sớm nhất:
 - + Đàm phán với cổ đông lớn – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để ký kết các phụ lục điều chỉnh hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 theo hướng tối thiểu phải bù đắp đủ các chi phí.
 - + Tập trung nhân lực, đẩy nhanh tiến độ thi công, công tác hoàn thiện hồ sơ chất lượng, nghiệm thu, thanh toán để thu hồi vốn, quay vòng vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích;
 - + Huy động vốn vay tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng để bổ sung dòng tiền thanh toán cho dự án trong thời gian chờ giải ngân vốn của Chủ đầu tư.
 - + Phối hợp với Chủ đầu tư để giải trình và các cơ quan ban ngành sớm có giải pháp, cơ chế đặc biệt tháo gỡ để thúc đẩy tiến độ dự án.
- Đối với khoản vay ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:
 - + Kiến nghị với cổ đông lớn – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo hướng khoan nợ gốc, tiếp tục gia hạn thời hạn trả nợ gốc, miễn/giảm lãi phát sinh.
 - + Chỉ đạo các đơn vị Người đại diện phần vốn của PVC tại các đơn vị (Khách sạn Lam Kinh, PVC-SG, IDICO Long Sơn, PVNC) có giải pháp cụ thể trong việc thu xếp nguồn tiền để ưu tiên trả gốc đối với khoản vay ủy thác của Tập đoàn.
- Quyết liệt trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các dự án/công trình; Rà soát, đối chiếu, thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản công nợ chéo giữa các đơn vị, công nợ nội bộ với các đơn vị thành viên Tập đoàn;
- Hoàn thành nghiệm thu thanh quyết toán các gói thầu: gói thầu Nạo vét lần đầu BoQ1 tại dự án LHD Nghi Sơn, Khách sạn dầu khí Thái Bình, dự án NMNĐ Vũng Áng 1 (sau khi được Tập đoàn phê duyệt phát sinh chưa lường trước), dự án Viện Dầu khí Phía Nam - giai đoạn 1; Gói thầu xử lý nền dự án NMNĐ Sông Hậu 1...;
- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác đấu thầu để đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2019, trong đó tập trung tham gia đấu thầu tại các hạng mục dự án Nhà máy Lọc dầu Long Sơn, NMNĐ Long Phú 1, dự án điện gió Kê Gà,...;
- Chỉ đạo các đơn vị thành viên khẩn trương thoái vốn tại các dự án bất động sản nhằm thu hồi vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn vay và bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của đơn vị;

- Kiểm soát chặt chẽ và tăng cường tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; Quán triệt triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí quản lý, tập trung giảm giá thành và nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng, đặc biệt việc xử lý công nợ và vật tư tài sản tồn đọng; Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, cân đối dòng tiền và quản trị rủi ro;
- Tiếp tục thực hiện công tác định biên, rà soát, sắp xếp nhân sự đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của các đơn vị/Tổng công ty hiện nay nhằm tăng năng suất lao động, tiết giảm tối đa chi phí quản lý tại Công ty mẹ Tổng công ty.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, các Thành viên HĐQT qua các giai đoạn trong năm 2018 cụ thể như sau: Ông Bùi Ngọc Thắng (Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/1/2018 đến ngày 29/10/2018 theo điều động của cổ đông lớn – Tập đoàn dầu khí Việt Nam); Ông Nguyễn Đình Thế (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 29/10/2018 là Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc; từ ngày 29/10/2018 là Thành viên phụ trách HĐQT kiêm Tổng giám đốc); Ông Bùi Ngọc Hưng (Thành viên HĐQT từ ngày 01/1/2018 đến ngày 29/10/2018 theo điều động của cổ đông lớn – Tập đoàn dầu khí Việt Nam); Ông Phạm Cương (thành viên độc lập Hội đồng quản trị); Ông Phạm Hồng Lĩnh (Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 01/01/2018 đến ngày 22/6/2018); Ông Nguyễn Quốc Tuấn (Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 22/6/2018); Ông Nghiêm Quang Huy (Thành viên HĐQT từ ngày 29/10/2018) và Ông Nguyễn Đức Đạt (Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc từ ngày 29/10/2018).

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, HĐQT họp 14 phiên họp thường kỳ và 218 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 78 Nghị quyết, 83 Quyết định và nhiều văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của Tổng công ty.

Tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên:

S TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch	Thôi TV.HĐQT từ 29/10/2018	11/11	100%	
2	Nguyễn Đình Thế	TV phụ trách HĐQT kiêm Tổng giám đốc	TV phụ trách HĐQT từ ngày 29/10/2018	14/14	100%	
3	Bùi Ngọc Hưng	TV.HĐQT	Thôi TV.HĐQT từ 29/10/2018	11/11	100%	
4	Phạm Hồng Lĩnh	Thành viên độc lập	Thôi TV.HĐQT từ 22/6/2018	3/5	60%	Ủy quyền cho TGD
5	Phạm Cương	Thành viên độc lập		12/14	86 %	Ủy quyền cho TGD (01); vắng mặt có lý do (01)
6	Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên độc lập	TV. HĐQT từ 22/6/2018	9/9	100%	
7	Nghiêm Quang Huy	TV. HĐQT	TV. HĐQT từ 29/10/2018	3/3	100%	
8	Nguyễn Đức Đạt	TV.HĐQT	TV. HĐQT từ 29/10/2018	3/3	100%	

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, trong năm 2018, HĐQT đã cùng Tổng giám đốc tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ thu/thu hồi vốn tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, kiểm điểm công tác tái cơ cấu, tổ chức Hội nghị triển khai công tác tiếp thị đấu thầu tại Vũng Tàu, Hội nghị liên tịch Thường vụ Đảng ủy – Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc, ngoài ra, HĐQT cử các thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp cùng Ban Tổng giám đốc để kiểm tra và giám sát việc thực hiện của đơn vị, ban điều hành đối với các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các Thành viên HĐQT đã thực hiện vai trò và nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC cũng như giám sát nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua việc:

- Tham gia tất cả các hoạt động của HĐQT;
- Tham gia hoặc ủy quyền tham gia các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp khác;
- Có ý kiến tại các phiếu lấy ý kiến để HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản của HĐQT;
- Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC và trực tiếp phụ trách một số đơn vị thành viên của PVC theo phân công nhiệm vụ trong HĐQT PVC.

3. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các Thành viên trong Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị theo sát và giám sát Ban Tổng giám đốc để triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị đã đề ra. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/ doanh nghiệp lớn.
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban của Tổng công ty.
- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị về cơ bản phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- Ban Tổng giám đốc làm việc thường xuyên với các đơn vị thành viên trực thuộc để chấn chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động SXKD và đầu tư của từng đơn vị.
- Hàng tháng, hàng quý Ban Tổng giám đốc thực hiện rà soát các nhiệm vụ đã giao, chỉ đạo các Ban chuyên môn/ Ban điều hành dự án/Chi nhánh thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2018.

4. Công tác quản trị, tổ chức, lao động, đào tạo

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 của Tổng công ty. Hướng dẫn, phối hợp rà soát, chấp thuận nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của 16 đơn vị trong Tổng công ty.
- Thực hiện kiện toàn công tác cán bộ tại Cơ quan Tổng công ty, các Ban điều hành dự án/Chi nhánh Tổng công ty và tại các đơn vị: PVC-MS, PVC-IC, DOBC, PVC-ID, Petroland, PVC-Mekong, PVC-Duyên Hải, PVC-HN, PVC-SG, PVC-IDICO.
- Hoàn thiện phương án định biên lao động của các Ban chuyên môn/Văn phòng Đảng, Đoàn thể thuộc Cơ quan Tổng công ty năm 2018. Xây dựng, hoàn thiện Phương án sử dụng lao động do thay đổi cơ cấu tổ chức, sắp xếp lao động tại Cơ quan Tổng công ty, các Ban điều hành dự án phù hợp với sự thay đổi cơ cấu tổ chức, sắp xếp lao động tại Công ty mẹ- Tổng công ty. Tổng số CBCNV đến thời điểm 31/12/2018 của toàn Tổng công ty là 2.517 người, tại Công ty mẹ Tổng công ty là 368 người. Số lao động Công ty mẹ bao gồm lao động tại Cơ quan Tổng công ty: 125 người, lao động tại các Ban ĐHDA/ Chi nhánh: 213 người và lao động biệt phái tại các đơn vị: 30 người.
- Công tác ký kết hợp đồng lao động và giải quyết thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động được thực hiện theo đúng quy định của Tổng công ty và Pháp luật hiện hành.
- Tổng công ty đã phê duyệt, ban hành Quy chế trả lương Cơ quan Tổng công ty phù hợp với việc định biên sắp xếp lại lao động Cơ quan Tổng công ty; tạm phê duyệt, ban hành Quy chế lương thực hiện tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2; ban hành Quy chế Quản lý và Đánh giá người đại diện của PVC tại các doanh nghiệp khác.
- Thu nhập bình quân năm 2018 của lao động định biên toàn Tổng công ty là 9,35 triệu đồng/người/tháng, bằng 84% kế hoạch năm. Trong đó Công ty mẹ là: 11,50 triệu đồng/người/tháng, bằng 94% kế hoạch năm.
- Năm 2018, trong bối cảnh đặc biệt khó khăn về kinh phí, toàn Tổng công ty đã thực hiện đào tạo cho 2.549 lượt học viên (đạt 116% kế hoạch năm) với kinh phí thực hiện là 4,79 tỷ đồng (đạt 76% kế hoạch năm). Công ty mẹ đã tổ chức đào tạo cho 47 lượt người (chưa tính số người được đào tạo nội bộ và số học viên tự túc kinh phí đào tạo) với kinh phí đào tạo 121 triệu đồng.
- Đã hoàn thành trước thời hạn việc chuyển đổi hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (Chứng nhận cấp ngày 9/8/2018) đảm bảo tính liên tục của hệ thống; Đào tạo và cấp chứng chỉ cho đội ngũ đánh giá viên nội bộ (15 người) theo đúng quy định của tổ chức ISO Quốc tế; Hoàn thành đánh giá hệ thống An toàn, Sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 theo đúng quy định.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2018, trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được Tập đoàn phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua, Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã tập trung triển khai, thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm, ngoài việc giám sát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Tổng công ty Ban Kiểm soát đã thực hiện:

- Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp về quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, các quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc (TGD) PVC thông qua việc xem xét nghiên cứu các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định điều hành hoạt động SXKD của Ban TGD.
- Kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Tổng công ty qua các cuộc họp, các văn bản và báo cáo định kỳ của các Ban chuyên môn, Ban điều hành và các đơn vị thành viên.
- Tham gia các cuộc họp rà soát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I, II, III/2018 và kế hoạch quý IV/2018 của các đơn vị thành viên Tổng công ty, các Ban điều hành dự án của Tổng công ty...
- Thực hiện thẩm tra nội dung đại hội cổ đông thường niên 2018 của 09 công ty con và các công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính.
- Tham gia họp Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2018 trên cơ sở báo cáo tài chính kế toán của Tổng công ty và Biên bản kiểm toán Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Ngày 22/6/2018 Tổng công ty PVC tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã ban hành Nghị quyết số 375/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK về việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2017-2020: Miễn nhiệm thành viên độc lập HĐQT PVC đối với ông Phạm Hồng Lĩnh, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ông Lưu Đức Hoàng để bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập và thành viên Ban Kiểm soát PVC nhiệm kỳ 2017-2020; Kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát PVC như sau: Ông Nguyễn Quốc Tuấn trúng cử làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ 2017-2020; Ông Vũ Trọng Quốc Thịnh trúng cử làm thành viên Ban Kiểm soát và được Ban Kiểm soát bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2020.
- Nghị quyết số 375/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua các báo cáo; báo cáo hoạt động Ban Kiểm soát năm 2017

- và kế hoạch hoạt động năm 2018; báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh của PVC năm 2017; báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán; báo cáo quyết toán thù lao của HĐQT, BKS và kết quả trúng cử 05 Thành viên HĐQT, 03 Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2020
- Ngày 13/8/2018, Ban Kiểm soát PVC họp và phân công lại cho từng thành viên Ban Kiểm soát tại công văn số 2634/XLDK-BKS về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát
 - Ngày 21/9/2018, Ban Kiểm soát Ban ban hành công văn số 3029/XLDK-BKS gửi HĐQT, Tổng giám đốc PVC về việc cung cấp số liệu quý III/2018 để Ban Kiểm soát giám sát trong công tác lập báo
 - Ngày 29/10/2018 Tổng công ty PVC tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 đã ban hành Nghị quyết số 604/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK về việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2017-2020; miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT/Chủ tịch HĐQT Tổng công ty PVC nhiệm kỳ 2017-2020 đối với ông Bùi Ngọc Thắng, miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Bùi Ngọc Hưng để nhận nhiệm vụ khác do PVN phân công, bầu bổ sung ông Nguyễn Đức Đạt, ông Nghiêm Quang Huy làm thành viên HĐQT Tổng công ty PVC nhiệm kỳ 2017-2020.
 - Ngày 29/10/2018 HĐQT Tổng công ty PVC đã họp phân công nhiệm vụ và ký biên bản họp số 602/BB-XLDK, để thống nhất phân công nhiệm vụ cho ông Nguyễn Đình Thế - Thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ phụ trách HĐQT (các nhiệm vụ chủ tịch HĐQT)
 - HĐQT Tổng công ty PVC nhiệm kỳ 2017-2020 gồm có: Ông Nguyễn Đình Thế Phụ trách HĐQT- Kiểm Tổng giám đốc, ông Nguyễn Đức Đạt, ông Nghiêm Quang Huy, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập ông Phạm Cương, ông Nguyễn Quốc Tuấn; Ban Kiểm soát Nhiệm kỳ 2017-2020 gồm có: ông Vũ Trọng Quốc Thịnh thành viên Ban Kiểm soát -Trưởng Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát là Ông Hứa Xuân Nam, Bà Trần Thị Trang.
 - Ngày 31/10/2018, Ban Kiểm soát PVC đã ban hành công văn số 3425/XLDK-BKS gửi HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty PVC về việc Thực hiện gói thầu, tư vấn rà soát trình tự, tính tuân thủ hồ sơ pháp lý của Hợp đồng EPC - Dự án NMNĐ Thái Bình 2.
 - Ngày 13/11/2018, Ban Kiểm soát ban hành công văn số 3569/XLDK-BKS; 3634/XLDK-BKS thông báo cho Công ty CP Đầu tư TM Dầu khí Thái Bình (PVC-TB), Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-DH), Công ty CP Dầu khí Đông Đô về việc thực hiện kế hoạch, kiểm tra giám sát năm 2018 đã được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 1287/QĐ-DKVN ngày 2/3/2018.
 - Ngày 23/11/2018, Ban Kiểm soát ban hành công văn số 3664/XLDK-BKS yêu cầu các Công ty thành viên cung cấp báo cáo 9 tháng đầu năm và dự kiến thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 của các đơn vị; Công ty CP Xây lắp Đường ống

bể chứa Dầu khí (DOBC); Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS); Công ty CP Xây dựng CN và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)

- Ngày 23/11/2018, Ban Kiểm soát ban hành công văn số 3663/XLDK-BKS gửi HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty PVC để cung cấp biên bản làm việc của tổ công tác tại quyết số 1029/QĐ - XLDK về việc, rà soát, kiểm tra số liệu hiệu quả sử dụng vốn của PVC tại các đơn vị
- Ngày 17/01/2018, Ban Kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2018 báo cáo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại công văn số 211/XLDK-BKS. Tập đoàn Dầu khí đã thông qua kế hoạch của Ban Kiểm soát Tổng công ty PVC tại Quyết định số 1287/QĐ-DKVN.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyền hạn và chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty năm 2018 thông qua.

2. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị PVC đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng, công tác tái cấu trúc, tổ chức nhân sự theo đúng qui định và điều lệ của PVC, qui định của pháp luật
- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát điều hành của Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành SXKD nhằm tháo gỡ các khó khăn, tồn tại, hạn chế, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, duy trì bộ máy điều hành hoạt động SXKD ổn định, tổ chức họp thường kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty.
- Năm 2018, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết để kịp thời chỉ đạo trong công tác điều hành SXKD như: Nghị quyết số 05/NQ-XLDK về việc triển khai lựa chọn nhà thầu thực hiện cung cấp, vận chuyển, lắp đặt chạy thử bảo hành hệ thống thông gió và điều hòa không khí của Hợp đồng EPC NMNĐ Thái Bình 2; Nghị quyết số 31 /NQ-XLDK về công tác cán bộ Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc; Nghị quyết số 62 /NQ-XLDK về việc chấp thuận kiện toàn mô hình tổ và công tác cán bộ công ty mẹ Tổng công ty; Nghị quyết số 183/NQ-XLDK về việc triển khai nhiệm vụ SXKD Tổng công ty năm 2018; Nghị quyết số 420/NQ-XLDK về việc bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 30/HĐKT/2012/PVC-SDC; Nghị quyết số 516/NQ-XLDK về việc Phương án sử dụng vốn thu được từ công tác thoái vốn Công ty CP Đầu tư Dầu Khí Nha Trang (INT); Nghị quyết số 543/NQ-XLDK về việc Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng bất thường năm 2018 của Tổng công ty PVC; Nghị quyết số 604/NQ-XLDK Đại hội đồng bất thường năm 2018 của Tổng công ty PVC... Ngoài ra HĐQT ban hành các Nghị quyết công tác SXKD của các đơn vị con, công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, công tác Tái cơ cấu và xử lý nợ, công tác thoái vốn, công tác bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ và người đại diện phần vốn tại các đơn vị,...

3. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai, thực hiện và các nghị quyết, Quyết định của HĐQT, trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Thực hiện rà soát, sắp xếp kiện toàn công tác nhân sự của Tổng công ty tại các Ban chuyên môn Tổng công ty, các Ban Điều hành các dự án, Chi nhánh phía Bắc và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.
- Ban Tổng giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí phó Tổng giám đốc phụ trách theo từng lĩnh vực, thường xuyên tổ chức họp giao ban, rà soát đánh giá kết quả từng dự án từng hạng mục thi công trên công trường để kịp chỉ đạo/phối hợp với chủ đầu tư, các công ty chi phối các nhà thầu phụ để đưa ra các giải pháp xử lý và báo cáo Tập đoàn, ký kết với Ban QLDA Thái Bình 2 các phụ lục bổ sung số 28,29,30,31,32 Hợp đồng EPC NMNĐ Thái Bình 2 về việc không áp dụng khấu trừ 0,5 % giá trị phần xây dựng cho hoạt động điều phối của Ban điều hành chung trên công trường, điều chỉnh một số nội dung thanh toán của tỷ lệ giữ lại, tỷ lệ thu hồi tạm ứng, các mốc thanh toán theo tình hình thực tế thi công tại dự án.
- Căn cứ vào tình hình thực tế tại công mẹ và các công ty thành viên Ban Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng Quản trị về công tác tái cơ cấu, sắp xếp nhân sự tại một số đơn vị như PVC-MS;PVC-IC;DOBC, nhằm tiết giảm chi phí quản lý điều hành tại công mẹ và các đơn vị thành viên
- Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo các Ban chuyên môn/Chi nhánh, các đơn vị thành viên trong công tác nghiệm thu, hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán tại các công trình/ dự án như: Khách sạn Lam Kinh-Thanh Hóa, Khách sạn Dầu khí-Thái Bình, Nhà máy LHD Nghi Sơn, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng- Quảng Trạch, Dự án Trung tâm phân tích và Văn phòng Viện Dầu Khí tại TP. HCM giai đoạn I,....
- Ban Tổng giám đốc thành lập các đoàn kiểm tra giám sát thường xuyên tại các công trình/dự án và các đơn vị thành viên, đặc biệt đối với dự án trọng điểm quốc gia tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã thường xuyên làm việc tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, tập trung nguồn lực tối ưu, để chỉ đạo, kịp thời giải quyết các vướng mắc tại dự án, đảm bảo tiến độ và chất lượng tại dự án.
- Ban Tổng giám đốc chỉ đạo các ban chuyên môn phối hợp với các Ban Tập đoàn về công tác hoàn thiện, thủ tục hồ sơ, pháp lý để chuyển nhượng các dự án đầu tư tại Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp –Tiền Giang, Cân đối và thu xếp các nguồn vốn đáp ứng kịp thời cho các công trình/dự án, Đặc biệt là tăng cường nguồn lực cho dự án trọng điểm Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 2.
- Thành lập các tổ công tác rà soát tình hình SXKD tại các đơn vị và Hội đồng kiểm kê và xử lý tài sản sau kiểm kê để thực hiện kiểm tra đánh giá tài sản Công ty mẹ giữa niên độ kế toán và cuối năm tài chính năm 2018.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán



Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 57

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đình Thế	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2018)
Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2018)
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2018)
Ông Nguyễn Đức Đạt	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2018)
Ông Nghiêm Quang Huy	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2018)
Ông Phạm Cường	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2018)
Ông Phạm Hồng Linh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Thế	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Toàn Thắng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2018)
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2018)
Ông Nguyễn Đức Đạt	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2018)
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018)
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2018)
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

112
ĐA
LỘ
T

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2019

Số: ~~907~~ /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 10 tháng 4 năm 2019, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là khoảng 124,4 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land - công ty con của Tổng Công ty) là chủ đầu tư Dự án cao ốc hộ thương mại dịch vụ PetroVietnam Landmark ("Dự án"). Số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Dự án tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoảng 1.011 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 1.121 tỷ VND), bao gồm cả chi phí lãi vay được vốn hóa trong các giai đoạn Dự án tạm dừng thi công (trước năm 2017). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giai đoạn Dự án tạm dừng thi công nên chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định số liệu cần thiết phải điều chỉnh cho các khoản mục "Hàng tồn kho" và "Lỗ lũy kế" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

3. Như trình bày tại Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú (công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí – công ty con của Tổng Công ty) là chủ đầu tư dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú (“Chung cư”). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú chưa tiến hành phân bổ giá trị tăng giảm để xe Chung cư (đang được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, với số tiền khoảng 58,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 58,9 tỷ VND)) vào giá vốn của hàng hóa bất động sản đã bán ra trong các năm phát sinh tương ứng với diện tích tăng giảm sở hữu chung của chủ sở hữu chung cư. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp về diện tích tăng giảm sở hữu chung của chủ sở hữu chung cư và diện tích tăng giảm sở hữu riêng của chủ đầu tư nên chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định số liệu cần thiết phải điều chỉnh cho các khoản mục “Hàng tồn kho”, “Lỗi lũy kế” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 có giá gốc lần lượt là khoảng 249,7 tỷ VND và 25,8 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và để nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có một số khoản góp vốn vào đơn vị khác đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi số và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 49,7 tỷ VND và khoảng 18,2 tỷ VND. Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nêu trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
6. Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản đầu tư góp vốn của Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (Công ty con của Tổng Công ty) vào dự án “Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28, đường Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội” (Dự án Dolphin Plaza) là khoảng 37,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 37,1 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này hay không do Dự án Dolphin Plaza chưa bán được hết các căn hộ và chưa được quyết toán để phân chia kết quả đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.
7. Như trình bày tại Thuyết minh số 27 và Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại 01 tổ chức tín dụng với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND trong năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với PVC-SG và tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá cơ sở cho việc hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, lỗ lũy kế hợp nhất của Tổng Công ty là khoảng 3.686,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 3.378 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 248,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 225,2 tỷ VND) và các vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có một số khoản cho vay và bảo lãnh cho một số công ty khác với số tiền lần lượt khoảng 466,5 tỷ VND và khoảng 237,9 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với các công ty được cho vay, được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để thu hồi các khoản cho vay và giải tỏa thư bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 4 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.204.356.553.852	9.582.551.355.034
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	862.899.290.144	901.207.316.357
1. Tiền	111		442.558.911.807	557.481.485.839
2. Các khoản tương đương tiền	112		420.340.378.337	343.725.830.518
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	132.465.932.260	102.202.105.711
1. Chứng khoán kinh doanh	121		157.948.845.000	157.948.845.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(109.053.809.550)	(119.510.253.500)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		83.570.896.810	63.763.514.211
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.094.234.814.641	3.511.011.069.891
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.230.128.242.401	2.471.013.803.399
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	756.165.572.059	909.639.908.259
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	21.771.650.284
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	477.544.956.451	536.567.630.118
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	837.057.616.618	815.276.463.651
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.207.482.348.638)	(1.244.855.230.599)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		820.775.750	1.596.844.779
IV. Hàng tồn kho	140	11	3.948.687.706.606	4.892.745.226.385
1. Hàng tồn kho	141		4.175.256.362.411	4.934.645.612.171
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(226.568.655.805)	(41.900.385.786)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		166.068.810.201	175.385.636.690
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	3.882.165.765	7.229.546.515
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		88.668.190.864	94.652.481.016
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	25	47.265.058.072	47.250.213.659
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		26.253.395.500	26.253.395.500

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

1001
 CÔNG
 CHỨC
 VIỆT
 G.Đ.Đ.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.464.082.877.635	3.093.370.456.916
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		119.631.015.056	297.964.292.714
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	95.044.011.734	85.858.228.479
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	15.230.499.683	17.467.605.733
3. Phải thu dài hạn khác	216	9	43.156.733.422	211.137.663.258
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(33.800.229.783)	(16.499.204.756)
II. Tài sản cố định	220		1.441.872.449.720	1.549.223.075.882
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.085.832.378.433	1.169.965.640.132
- Nguyên giá	222		1.764.085.039.566	1.797.911.499.866
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(678.252.661.133)	(627.945.859.734)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	74.941.271.187	96.147.947.806
- Nguyên giá	225		117.868.012.106	128.549.926.310
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(42.926.740.919)	(32.401.978.504)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	281.098.800.100	283.109.487.944
- Nguyên giá	228		305.505.522.140	304.686.091.684
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.406.722.040)	(21.576.603.740)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	134.807.738.639	137.279.006.780
- Nguyên giá	231		154.041.170.122	152.746.544.839
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.233.431.483)	(15.467.538.059)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	17	321.034.382.324	608.371.065.992
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		25.064.213.539	25.590.443.244
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		295.970.168.785	582.780.622.748
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		114.517.314.674	117.240.356.841
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	19	60.939.605.659	63.548.396.408
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	20	220.077.968.199	220.077.968.199
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	20	(166.500.259.184)	(166.386.007.766)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		332.219.977.222	383.292.658.707
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	165.972.965.971	189.513.251.360
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		21.441.370.807	44.187.278.198
3. Tài sản dài hạn khác	268	21	136.950.943.385	136.950.943.385
4. Lợi thế thương mại	269	22	7.854.697.059	12.641.185.764
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.668.439.431.487	12.675.921.811.950

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

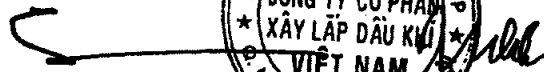
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.765.583.031.678	10.188.426.906.063
I. Nợ ngắn hạn	310		8.452.763.787.639	9.807.745.007.914
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	3.457.213.187.276	4.130.099.757.852
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	24	1.602.005.019.205	1.580.661.256.598
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25	112.903.829.214	81.927.579.550
4. Phải trả người lao động	314		67.032.788.850	79.950.517.783
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26	753.491.066.573	893.570.796.615
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		14.954.518.567	6.089.272.868
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	27	758.456.846.608	815.746.816.352
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28	1.656.330.868.932	2.181.042.132.571
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		26.849.229.222	31.242.285.445
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.526.433.192	7.414.592.280
II. Nợ dài hạn	330		312.819.244.039	380.681.898.149
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	26	75.676.542.948	76.274.713.661
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		79.674.958.269	85.034.871.116
3. Phải trả dài hạn khác	337	27	23.830.016.069	31.586.093.956
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29	130.149.910.351	159.741.704.915
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		3.181.305.274	4.346.758.898
6. Dự phòng phải trả dài hạn	342		306.511.128	23.697.755.603
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.902.856.399.809	2.487.494.905.887
I. Vốn chủ sở hữu	410	30	1.902.856.399.809	2.487.494.905.887
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.831.719.482	6.831.719.482
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.063.276.244	3.063.276.244
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.862.805.993)	(2.862.805.993)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		157.678.294.436	159.309.333.368
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.162.412.232	2.162.412.232
7. (Lỗ) lũy kế	421		(3.686.414.158.976)	(3.377.661.842.977)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.425.655.323.445)	(2.979.173.149.557)
- (Lỗ) năm nay	421b		(260.758.835.531)	(398.488.693.420)
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.422.397.662.384	1.696.652.813.531
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.668.439.431.487	12.675.921.811.950



Nguyễn Thị Thu Anh
 Người lập biểu



Vũ Minh Công
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	3.345.660.315.979	3.822.648.495.401
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	545.797.977	53.388.234.033
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		3.345.114.518.002	3.769.260.261.368
4. Giá vốn hàng bán	11	34	3.501.927.999.298	3.722.594.950.906
5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(156.813.481.296)	46.665.310.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	79.017.790.974	89.483.323.901
7. Chi phí tài chính	22	36	111.898.745.446	148.238.876.032
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		106.779.203.847	108.949.594.810
8. Phần (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(2.608.790.749)	(22.881.802.014)
9. Chi phí bán hàng	25		14.173.252.452	11.408.498.238
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	224.545.864.929	392.088.823.574
11. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(431.022.343.898)	(438.469.365.495)
12. Thu nhập khác	31		52.559.904.053	63.731.579.005
13. Chi phí khác	32		9.774.488.542	40.524.718.449
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		42.785.415.511	23.206.860.556
15. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(388.236.928.387)	(415.262.504.939)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	39	3.067.409.717	4.771.485.794
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	39	22.886.859.936	(3.713.159.129)
18. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(414.191.198.040)	(416.320.831.604)
18.1 (Lỗ) sau thuế của Công ty mẹ	61		(260.758.835.531)	(398.488.693.420)
18.2 (Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(153.432.362.509)	(17.832.138.184)
19. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	39	(652)	(996)



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lỗ trước thuế	01	(388.236.928.387)		(415.262.504.939)	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	107.702.456.178		118.477.796.885	
Các khoản dự phòng	03	145.410.434.077		57.798.649.857	
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.097.967.984		(2.678.122.754)	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(61.526.886.910)		(34.608.874.308)	
Chi phí lãi vay	06	106.779.203.847		108.949.594.810	
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(88.773.753.211)		(167.323.460.449)	
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	615.181.389.842		(1.492.910.668.917)	
Giảm hàng tồn kho	10	944.057.519.779		221.154.529.409	
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.070.568.033.756)		646.116.471.680	
Giảm chi phí trả trước	12	26.887.666.139		46.461.837.475	
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-		2.000.000.000	
Tiền lãi vay đã trả	14	(166.273.468.143)		(106.849.990.284)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.371.596.436)		(16.766.100.500)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	42.292.551.325		33.737.642.094	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(34.015.856.841)		(17.672.296.047)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	267.416.418.698		(852.052.035.539)	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(568.081.818)		(14.311.385.273)	
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	8.802.150.272		239.397.978.338	
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(80.000.000.000)		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	49.339.141.302		6.501.073.836	
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	249.689.520.173		469.903.175.773	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.128.249.007		62.830.656.566	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	251.390.978.936		764.321.499.240	

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	743.669.779.414	1.000.264.509.748
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.261.742.498.826)	(1.255.339.064.638)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(36.881.750.356)	(35.380.026.926)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.650.000)	(43.456.221.855)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(554.961.119.768)	(333.910.803.671)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(36.153.722.134)	(421.641.339.970)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	901.207.316.357	1.322.734.652.189
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.154.304.079)	114.004.138
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	862.899.290.144	901.207.316.357

Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 05 tháng 10 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.730 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3.247 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lập có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2,
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch,
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam,
- Ban điều hành dự án nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester,
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 09 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 11 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 19.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

11
VN
LI
ET
DA

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giá định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tình hình tài chính của Công ty mẹ và một số công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô, Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam) có dấu hiệu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục do các công ty này có công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn, lỗ lũy kế hoặc/và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm hoặc đang bị kiện.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, lỗ lũy kế hợp nhất của Tổng Công ty là khoảng 3.686,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 3.378 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 248,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 225,2 tỷ VND) và dư nợ vay ngân hàng quá hạn là khoảng 1.204 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 295 tỷ VND). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, nghiệm thu các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2019 và các năm tiếp theo cũng như sẽ nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như dự án Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1 để đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và quyết định lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Tổng Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng bảng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

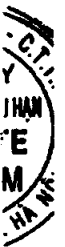
Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế



thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tổng Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 48
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản khác	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 25 năm đến 38 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng, chi phí phân bổ giàn giáo cấp pha, lợi thế kinh doanh, chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giàn giáo cấp pha được trình bày theo nguyên giá trừ đi phần giá trị đã phân bổ lũy kế. Giàn giáo cấp pha được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6,5 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

500 /
i T
HỮU
ITT
NAI
TP.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	6.155.918.638	4.439.529.964
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	436.402.993.169	553.041.955.875
Các khoản tương đương tiền (ii)	420.340.378.337	343.725.830.518
	<u>862.899.290.144</u>	<u>901.207.316.357</u>

(i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm số tiền khoảng 63,6 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 27,5 tỷ VND) gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương - "OceanBank") đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 98,9 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 104,4 tỷ VND) gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Chứng khoán Minh doanh	157.948.845.000	109.053.809.550	157.948.845.000	119.510.253.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico	136.068.065.000	95.168.809.550	136.068.065.000	105.625.253.500
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
Khác	7.280.780.000	-	7.280.780.000	-
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	83.570.896.810	-	63.763.514.211	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	83.570.896.810	-	63.763.514.211	-

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và không quá 12 tháng.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.230.128.242.401	2.471.013.803.399
Phải thu các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 41)	1.295.139.029.511	1.181.812.115.344
Ban quản lý dự án công trình DK I	144.123.134.999	444.123.134.999
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	105.347.622.407	138.868.376.010
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	685.518.455.484	706.210.177.046
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	95.044.011.734	85.858.228.479
Phải thu các khách hàng mua dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	63.228.132.160	83.104.198.671
Phải thu khách hàng dài hạn khác	31.815.879.574	2.754.029.808
	2.325.172.254.135	2.556.872.031.878

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	756.165.572.059	909.639.908.259
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	113.386.879.741	113.386.879.741
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	108.864.918.776
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	46.897.783.418
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC	58.788.765.014	64.715.219.435
FLSmidth Wadgassen	-	19.119.176.116
Các khoản khác	420.800.613.271	556.655.930.805
b) Dài hạn	15.230.499.683	17.467.605.733
Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	8.045.337.557	8.745.337.557
Các nhà cung cấp khác	7.185.162.126	8.722.268.176
	771.396.071.742	927.107.513.992

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (I)	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (I)	142.303.647.827	142.303.647.827	179.912.859.769	167.153.319.304
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO (I)	101.620.000.000	-	101.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (I)	22.623.638.889	12.509.813.846	22.623.638.889	10.474.032.816
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	-	-	21.413.461.725	21.413.461.725
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735
Tổng cộng	477.544.956.451	290.167.281.411	536.567.630.118	334.394.633.583

- (i) Số dư phải thu, với tổng số tiền khoảng 466,5 tỷ VND, về cho vay các công ty này thể hiện a) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh. Tổng Công ty đã đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi của các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank nêu trên, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VNO</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn	837.057.616.618	815.276.463.651
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	158.813.595.215	142.458.825.085
- Ký cược, ký quỹ	75.171.194.420	54.653.174.502
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (i)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	42.328.848.975	42.328.848.975
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	147.494.400.000	147.494.400.000
- Phải thu ngắn hạn khác	367.015.799.852	382.107.436.933
b. Dài hạn	43.156.733.422	211.137.663.258
- Ký cược, ký quỹ	18.312.821.254	148.087.552.630
- Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	4.000.000.000	57.000.000.000
- Phải thu dài hạn khác	20.843.912.168	6.050.110.628
	880.214.350.040	1.026.414.126.909

- (i) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ quá hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý.
- (ii) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 42).

10. NỢ XẤU

Thông tin về các khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị	Giá gốc	Giá trị
	VND	có thể thu hồi VND	VND	có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	245.775.809.827	8.949.755.062	272.424.984.101	27.683.593.484
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	209.960.201.220	-	209.960.201.220	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	73.727.447.475	4.545.924.790	86.425.736.552	15.168.113.424
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	54.008.596.946	6.714.619.313	54.008.596.946	6.714.619.313
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	61.710.508.005	-	61.710.508.005	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.801.305.741	-	75.601.149.597	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	74.320.073.627	23.141.183.865	64.348.845.580	19.475.097.941
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	30.394.484.099	327.504.229	37.206.687.346	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	30.495.449.099	100.965.000	30.394.484.099	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	27.426.673.819	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	-	23.575.990.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	18.813.461.725	-	22.413.461.725	-
Ban Quản lý dự án SB - Cảng xuất Sản phẩm Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	7.114.648.826	-	3.658.243.771	-
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	6.727.169.436	-	3.458.295.925	-
Công ty Cổ phần Thiên Phúc Gia	5.050.000.000	-	5.150.000.000	-
Bệnh viện Việt Nam Cu Ba	3.819.490.482	-	3.819.490.482	-
Tổng Công ty khí Việt Nam	9.446.793.928	-	9.446.793.928	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí	3.719.897.842	-	3.719.897.842	-

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định giá trị có thể thu hồi được bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị đã dự phòng của các khoản phải thu này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	39.920.434.606	1.549.336.870	46.903.082.308	1.212.125.679
Công cụ, dụng cụ	6.108.395.535	126.922.432	8.369.818.207	112.886.280
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (l)	3.770.736.633.344	107.239.344.353	4.513.883.698.443	6.272.008.581
Thành phẩm	7.961.519.443	-	8.678.452.288	-
Hàng hoá	33.212.220.060	21.904.436.720	31.960.692	-
Hàng hoá bất động sản	317.317.159.415	95.748.615.422	356.788.591.233	34.303.365.246
- Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu (ii)	217.748.615.422	95.748.615.422	217.748.615.422	34.303.365.246
	4.175.256.362.411	226.568.655.805	4.934.645.612.171	41.900.385.786

(l) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng, chi tiết theo công trình như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.606.286.291.071	45.605.934.680	2.017.042.866.083	736.140.786
Dự án cao ốc căn hộ thương mại dịch vụ PetroVietnam Landmark (*)	1.010.528.017.791	35.965.852.548	1.120.981.581.767	1.050.973.466
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	338.387.976.952	-	496.303.641.195	-
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (**)	249.672.379.595	-	254.957.154.476	-
Chung cư cao tầng Mỹ Phú (***)	151.641.820.254	-	133.527.933.219	-
Các công trình khác	414.220.147.681	25.667.557.125	491.070.521.703	4.484.894.329
	3.770.736.633.344	107.239.344.353	4.513.883.698.443	6.272.008.581

(*) Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lập Dầu khí Việt Nam (PVC Land - công ty con của Tổng Công ty) là chủ đầu tư Dự án cao ốc căn hộ thương mại dịch vụ PetroVietnam Landmark ("Dự án"). Dự án này được khởi công từ tháng 8 năm 2009. Trong quá trình đầu tư trước năm 2017, Dự án có một số lần tạm dừng thi công, tuy nhiên, PVC Land không có các văn bản hoặc bằng chứng cụ thể về thời gian bắt đầu tạm dừng thi công và thời điểm tiếp tục thi công. Trong các lần tạm dừng thi công, PVC Land vẫn tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay và ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Dự án. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng vấn đề này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(**) Như trình bày tại Thuyết minh số 43, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

(***) Số dự chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang của dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú ("Chung cư") do Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú (công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí - công ty con của Tổng Công ty) là chủ đầu tư, bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải tỏa, chi phí xây dựng, chi phí lãi vay, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng Chung cư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Chung cư bao gồm các diện tích tầng hầm để xe, trung tâm thương mại, nhà trẻ, các căn hộ áp mái chưa hoàn thiện, trong đó, giá trị tầng hầm để xe được tạm tính theo phê duyệt dự án đầu tư ban đầu khoảng 58,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 58,9 tỷ VND). Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú chưa tiến hành phân bổ giá trị tầng hầm để xe này vào giá vốn của hàng hóa bất động sản đã bán ra trong các năm phát sinh tương ứng với diện tích tầng hầm sở hữu chung của chủ sở hữu chung cư. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng vấn đề này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

- (ii) Phản ánh giá trị hàng hóa bất động sản đầu tư tại Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu ("Bạc Liêu Tower"). Như trình bày tại Thuyết minh số 28, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong - công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp giá trị hàng hóa này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (OceanBank Cà Mau). Ngày 25 tháng 3 năm 2019, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu đã ban hành Thông báo số 96/TB-CCTHADS về việc bán đấu giá thành công, theo đó, giá trúng đấu giá là 122.000.000.000 VND (chưa gồm thuế giá trị gia tăng), người trúng đấu giá là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Kỹ thuật VP Home. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của Tòa nhà Bạc Liêu Tower là giá trúng đấu giá nêu trên và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, PVC-Mekong đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan để thực hiện các thủ tục chuyển nhượng Bạc Liêu Tower.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.265.682.655	2.200.315.565
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.616.483.110	5.029.230.950
	3.882.165.765	7.229.546.515
b) Dài hạn		
Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	90.498.564.336	92.591.016.684
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	27.063.028.342	40.264.729.694
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	8.979.523.428	8.867.756.830
Chi phí dịch vụ bán căn hộ qua sàn giao dịch bất động sản	37.682.761.740	41.061.565.059
Lợi thế kinh doanh	561.899.000	869.610.412
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.187.189.125	5.858.572.681
	165.972.965.971	189.513.251.360

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	1.325.138.624.199	275.941.837.924	157.908.546.645	38.922.491.098	1.797.911.499.866
Mua sắm mới	-	503.100.000	-	184.340.178	687.440.178
Tăng do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	11.617.734.953	-	-	11.617.734.953
Thanh lý, nhượng bán (Giảm) khác	(16.643.788.283) (4.427.632.930)	(4.148.399.883)	(15.355.331.971) (801.013.933)	(4.114.756.747) (640.711.684)	(40.262.276.884) (5.869.358.547)
Số cuối năm	1.304.067.202.986	283.914.272.994	141.752.200.741	34.351.362.845	1.764.085.039.566
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	262.178.886.104	198.096.379.223	131.066.724.899	36.603.869.508	627.945.859.734
Trích khấu hao trong kỳ	51.770.856.565	20.580.982.426	10.555.032.321	1.222.295.800	84.129.167.112
Tăng do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	6.828.953.028	-	-	6.828.953.028
Thanh lý, nhượng bán (Giảm) khác	(15.317.470.517) (510.473.439)	(3.898.190.022)	(15.355.331.971) (801.013.933)	(4.114.756.747) (654.082.112)	(38.685.749.257) (1.965.569.484)
Số cuối năm	298.121.798.713	221.608.124.655	125.465.411.316	33.057.326.449	678.252.661.133
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.062.959.738.095	77.845.458.701	26.841.821.746	2.318.621.590	1.169.965.640.132
Tại ngày cuối năm	1.005.945.404.273	62.306.148.339	16.286.789.425	1.294.036.396	1.085.832.378.433

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoảng 405,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 390,1 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là khoảng 263,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 235,7 tỷ VND).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	104.946.402.796	23.603.523.514	128.549.926.310
Thuê tài chính trong năm	-	872.335.749	872.335.749
Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	(11.554.249.953)	-	(11.554.249.953)
Số cuối năm	93.392.152.843	24.475.859.263	117.868.012.106
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	22.117.231.888	10.284.746.616	32.401.978.504
Khấu hao trong năm	13.914.749.555	3.438.965.888	17.353.715.443
Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	(6.828.953.028)	-	(6.828.953.028)
Số cuối năm	29.203.028.415	13.723.712.504	42.926.740.919
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	82.829.170.908	13.318.776.898	96.147.947.806
Tại ngày cuối năm	64.189.124.428	10.752.146.759	74.941.271.187

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	284.616.019.302	20.040.072.382	30.000.000	304.686.091.684
Mua sắm mới	-	352.800.000	-	352.800.000
Tặng khác	498.870.456	-	-	498.870.456
Thanh lý, nhượng bán	-	(32.240.000)	-	(32.240.000)
Số dư cuối năm	285.114.889.758	20.360.632.382	30.000.000	305.505.522.140
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	4.362.841.475	17.183.762.265	30.000.000	21.576.603.740
Khấu hao trong năm	1.727.278.812	853.873.173	-	2.581.151.985
Tặng khác	281.206.315	-	-	281.206.315
Thanh lý, nhượng bán	-	(32.240.000)	-	(32.240.000)
Số dư cuối năm	6.371.326.602	18.005.395.438	30.000.000	24.406.722.040
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	280.253.177.827	2.856.310.117	-	283.109.487.944
Tại ngày cuối năm	278.743.563.156	2.355.236.944	-	281.098.800.100

16. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	139.043.404.562	13.703.140.277	152.746.544.839
Tăng trong năm	5.115.105.982	-	5.115.105.982
Giảm khác	(3.820.480.699)	-	(3.820.480.699)
Số cuối năm	140.338.029.845	13.703.140.277	154.041.170.122
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	15.027.061.769	440.476.290	15.467.538.059
Khấu hao trong năm	3.451.673.161	186.748.477	3.638.421.638
Tăng khác	127.471.786	-	127.471.786
Số cuối năm	18.606.206.716	627.224.767	19.233.431.483
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	124.016.342.793	13.262.663.987	137.279.006.780
Tại ngày cuối năm	121.731.823.129	13.075.915.510	134.807.738.639

Tổng Công ty đã thế chấp một số bất động sản đầu tư với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoảng 53,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 56,4 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

17. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được
	VND	VND	VND	VND
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (1)	25.781.820.546	12.890.910.273	26.634.279.956	13.317.139.978
Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.280.083.636	900.000.000
Các công trình, dự án khác	12.029.514.657	2.210.996.386	12.029.514.657	2.210.996.386
	75.750.744.051	25.064.213.539	76.703.203.461	25.590.443.244

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

- (i) Theo Công văn số 1828/TTg-KTN ngày 15 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện thuộc các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty tại dự án này.

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	11.785.106.209	44.941.477.038
- Xây dựng cơ bản	284.185.062.576	537.839.145.710
Trong đó:		
<i>Dự án Xuân Phương (i)</i>	171.586.901.684	171.586.901.684
<i>Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)</i>	102.890.526.261	103.079.136.232
<i>Dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh</i>	-	241.740.864.291
<i>Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu</i>	-	14.081.452.138
<i>Các công trình, dự án khác</i>	<u>9.707.634.631</u>	<u>7.350.791.365</u>
	<u>295.970.168.785</u>	<u>582.780.622.748</u>

- (i) Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất lô CT5E tại Khu đô thị mới Xuân Phương để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm.
- (ii) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Theo Biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2017 của tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, PVN và Tổng Công ty, các bên thống nhất giá trị Dự án trong giai đoạn do Tổng Công ty thực hiện là khoảng 143 tỷ VND. Ngày 01 tháng 10 năm 2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cũng như bàn giao toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất trên lô đất của Dự án cho cơ quan này. Ngày 28 tháng 02 năm 2019, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định pháp luật, không để thất thoát tài sản Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (PVC-Đồng Đô) (i)	Hà Nội	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	Quảng Ngãi	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại PVC-PetroMekong và PVC-Đồng Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, các công ty nói trên được xác định là công ty con của Tổng công ty và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2018 và Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 -2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo các Nghị quyết và Quyết định trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2016 - 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các Nghị quyết và Quyết định nêu trên.

19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối năm VND	Giá trị vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	19.993.000.000	19.993.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
3	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	54.395.000.000	54.395.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Thành phố Hồ Chí Minh	83.271.467.055	83.271.467.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Hải Phòng	77.400.000.000	77.400.000.000	42%	42%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
6	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) (I)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại
7	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

STT Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối năm VND	Giá trị vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
8 Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
10 Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	82.000.000.000	82.000.000.000	35%	43%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
11 Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	72.400.000.000	72.400.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
		779.799.467.055	779.799.467.055			

(l) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Petro-link là 35% đồng thời Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 41.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	779.799.467.055	779.799.467.055
(Lỗ) lũy kế từ công ty liên kết	(718.859.861.396)	(716.251.070.647)
	60.939.605.659	63.548.396.408

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	3.036.408.409.335	3.257.619.228.655
Tổng công nợ	4.437.022.369.940	4.646.648.838.368
Tài sản thuần	<u>(1.400.613.960.605)</u>	<u>(1.389.029.609.713)</u>
Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<u>60.939.605.659</u>	<u>63.548.396.408</u>
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	223.651.522.336	186.752.723.629
(Lỗ) thuần	<u>(37.720.480.163)</u>	<u>(111.126.121.110)</u>
(Lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	<u>(2.608.790.749)</u>	<u>(22.881.802.014)</u>

20. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	Đầu tư dài hạn khác	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ phần sở hữu
		VND	VND	%	VND	VND	%
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (i)	23.500.000.000	11.288.806.120	16%	23.500.000.000	11.196.028.936	16%
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	16.764.968.199	-	15%	16.764.968.199	-	15%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (I)	12.500.000.000	1.488.246.800	5%	12.500.000.000	1.488.246.800	5%
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC- Trường Sơn (I)	3.000.000.000	-	4%	3.000.000.000	-	4%
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (I)	2.795.000.000	-	5%	2.795.000.000	-	5%
7	Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (I)	2.500.000.000	-	10%	2.500.000.000	-	10%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (I)	5.400.000.000	5.400.000.000	7%	5.400.000.000	5.400.000.000	7%
9	Các khoản đầu tư dài hạn khác	6.318.000.000	1.023.206.264		6.318.000.000	1.001.732.030	
		220.077.968.199	166.500.259.184		220.077.968.199	166.386.007.766	

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có các khoản đầu tư vào các công ty với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 49,7 tỷ VND và khoảng 18,2 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

21. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án chung cư cao cấp dịch vụ hỗn hợp - khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội	50.953.203.651	50.953.203.651
Dự án Dolphin Plaza (i)	37.100.539.734	37.100.539.734
Dự án nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp	36.000.000.000	36.000.000.000
Dự án chung cư Long Sơn Riverside	12.897.200.000	12.897.200.000
	<u>136.950.943.385</u>	<u>136.950.943.385</u>

- (i) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010 ký giữa Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô - công ty con của Tổng Công ty), Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần TID với tổng giá trị vốn góp khoảng 51,1 tỷ VND. Theo nội dung Hợp đồng, ba bên thỏa thuận cùng đầu tư vốn để thực hiện Dự án "Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28 đường Trần Bình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội". Tại ngày 18 tháng 01 năm 2015, PVC-Đông Đô đã ký kết Phụ lục số 03 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010 với Công ty Cổ phần TID để rút một phần vốn đã góp với giá trị khoảng 14 tỷ VND khỏi dự án. Tỷ lệ tham gia góp vốn của PVC-Đông Đô vào dự án này sau khi rút một phần vốn giảm từ 19% xuống còn 1,6%. Theo Phụ lục số 04 của Hợp đồng chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại số DP308/HĐ/TID-PVFCLAND ký ngày 18 tháng 01 năm 2017, PVC-Đông Đô đã nhận chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại có diện tích 154 m² trị giá khoảng 3,5 tỷ VND từ Công ty Cổ phần TID và được quyền thanh toán số tiền này bằng việc bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010. Tính tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án Dolphin Plaza chưa bán được hết các căn hộ và quyết toán để phân chia kết quả đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

22. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>Lợi thế thương mại</u>
	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Số đầu năm	<u>64.493.904.711</u>
Số cuối năm	<u>64.493.904.711</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số đầu năm	<u>51.852.718.947</u>
Phân bổ trong năm	<u>4.786.488.705</u>
Số cuối năm	<u>56.639.207.652</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số cuối năm	<u>7.854.697.059</u>
Số đầu năm	<u>12.641.185.764</u>

23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Công nghiệp DAELIM	1.174.990.478.816	1.864.777.111.251
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.062.581.917
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	398.785.076.255	241.460.165.102
Tập đoàn Sojitz	164.755.016.943	175.100.606.380
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	34.130.366.961	32.717.984.838
Các khoản khác	1.391.529.344.225	1.523.007.969.553
	3.457.213.187.276	4.130.099.757.852
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)	450.246.583.570	428.870.519.339

- (i) Thể hiện số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (trình bày tại Thuyết minh số 42).

24. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước mua tại Dự án cao ốc căn hộ thương mại dịch vụ PetroVietnam Landmark	718.728.111.361	795.207.371.549
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	146.156.317.172	329.996.787.319
Người mua trả tiền trước mua chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	302.001.836.169	255.976.170.028
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	100.508.670.384	100.391.415.199
Các đối tượng khác	334.610.084.119	99.089.512.503
	1.602.005.019.205	1.580.661.256.598

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ VIỆT NAM

25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải thu/ phải nộp	Số đã thu/đã nộp/bù trừ	
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.806.001.220	(103.929.150)	866.543.784	42.835.528.286
Thuế thu nhập cá nhân	3.423.776.586	1.163.354.420	174.484.940	4.412.646.066
Các loại thuế khác	20.435.853	16.100.000	19.652.133	16.883.720
	47.250.213.659	1.075.525.270	1.060.680.857	47.265.058.072
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	46.711.867.800	92.503.989.795	75.406.433.255	63.809.424.340
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	30.491.568.322	26.776.076.441	3.715.491.881
Thuế nhập khẩu	-	4.194.916.512	812.266.768	3.382.649.744
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.380.424.340	8.787.918.425	1.371.392.245	16.796.950.520
Thuế thu nhập cá nhân	4.125.655.061	4.086.266.767	3.804.041.386	4.407.880.442
Tiền thuế đất	487.727.169	3.777.235.823	4.264.962.992	-
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	234.155.647	13.405.327.653	12.686.321.061	953.162.239
Thuế khác	20.987.749.533	6.289.237.898	7.438.717.383	19.838.270.048
	81.927.579.550	163.536.461.195	132.560.211.531	112.903.829.214

26. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	753.491.066.573	893.570.796.615
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng	517.861.380.094	493.119.819.402
Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn	222.148.894.965	335.839.009.035
Chi phí phải trả khác	13.480.791.514	64.611.968.178
b) Dài hạn	75.676.542.948	76.274.713.661
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng	75.676.542.948	76.274.713.661
	829.167.609.521	969.845.510.276

27. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	758.456.846.608	815.746.816.352
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	158.268.480.000	158.268.480.000
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.491	137.942.779.491
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	114.186.733.011	105.560.173.528
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	62.736.151.136	73.586.151.463
Phải trả khách hàng mua căn hộ	57.005.231.011	67.160.853.035
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Nhận đặt cọc ngắn hạn	24.155.809.546	25.724.619.549
Lãi vay phải trả	11.128.973.317	10.583.194.296
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	143.032.689.096	186.920.564.990
b) Dài hạn	23.830.016.069	31.586.093.956
Quỹ bảo trì các dự án chung cư	12.134.407.691	17.615.393.504
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá	10.850.000.327	10.850.000.327
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	845.608.051	3.120.700.125
	782.286.862.677	847.332.910.308

- (i) Số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh chưa bao gồm khoản dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) đã được Tổng Công ty đánh giá và hoàn nhập trong năm 2016 như trình bày tại Thuyết minh số 42.
- (ii) Khoản phải trả OceanBank thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty được Tổng Công ty thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (xem Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 với lãi suất khoản vay giảm xuống 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 29. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.
- (iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (I)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (II)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (I)	720.950.788.770	720.950.788.770	701.452.640.543	867.554.272.666	554.849.156.647	554.849.156.647
- Vay tại Công ty Mẹ	40.700.000.000	40.700.000.000	95.444.488.542	82.117.842.874	54.026.645.668	54.026.645.668
- Vay tại các công ty con	680.250.788.770	680.250.788.770	606.008.152.001	785.436.429.792	500.822.510.979	500.822.510.979
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 29)	1.431.711.972.059	1.431.711.972.059	92.436.717.508	441.735.169.629	1.082.413.519.938	1.082.413.519.938
- Vay tại Công ty Mẹ	955.033.981.983	955.033.981.983	-	98.120.463.574	856.913.518.409	856.913.518.409
- Vay tại các công ty con	476.677.990.076	476.677.990.076	92.436.717.508	343.614.706.055	225.500.001.529	225.500.001.529
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 29)	28.379.371.742	28.379.371.742	19.237.802.700	28.548.982.095	19.068.192.347	19.068.192.347
- Nợ tại Công ty Mẹ	1.903.794.700	1.903.794.700	568.806.794	1.903.804.701	568.796.793	568.796.793
- Nợ tại các công ty con	26.475.577.042	26.475.577.042	18.668.995.906	26.645.177.394	18.499.395.554	18.499.395.554
Tổng cộng	2.181.042.132.571	2.181.042.132.571	813.127.160.751	1.337.838.424.390	1.656.330.868.932	1.656.330.868.932

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	127.698.002.497	237.662.586.145
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (*)	119.539.630.318	119.539.630.318
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	86.047.270.703	91.488.045.681
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	39.878.319.383	89.814.716.106
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	64.600.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	40.138.857.854	61.400.012.277
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	41.380.120.000	60.751.712.661
Ngân hàng TMCP Quân đội	4.681.530.735	11.000.236.247
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	30.885.425.157	49.293.849.335
	554.849.156.647	720.950.788.770

(*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 001-0012/2013/HDTDHM1-OCEANBANK.CNCAMAU ngày 30 tháng 10 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) - Công ty con của Tổng Công ty với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (OceanBank Cà Mau) với hạn mức là 120 tỷ VND, thời hạn cung cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mức lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay này được PVC-Mekong dùng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất đối với thửa đất có diện tích 2.812,2 m² của Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu tại phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu như đã trình bày tại Thuyết minh số 11.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ đã quá hạn thanh toán với số tiền khoảng 1.204 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 295 tỷ VND). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản vay và nợ quá hạn trên vẫn có khả năng thanh toán trong tương lai.

00112
 TỔNG
 HỢP
 ELO
 VIỆT
 ĐÀ

29. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn (i)	1.553.470.000.894	1.553.470.000.894	41.457.138.871	393.540.026.160	1.201.387.113.605	1.201.387.113.605
- Vay tại Công ty Mẹ	955.033.981.983	955.033.981.983	-	98.120.463.574	856.913.518.409	856.913.518.409
- Vay tại các Công ty con	598.436.018.911	598.436.018.911	41.457.138.871	295.419.562.586	344.473.595.196	344.473.595.196
Nợ thuê tài chính	66.363.047.822	66.363.047.822	1.572.934.353	37.691.473.144	30.244.509.031	30.244.509.031
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại Công ty mẹ	2.472.581.503	2.472.581.503	568.816.786	2.472.601.496	568.796.793	568.796.793
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại các Công ty con	63.890.466.319	63.890.466.319	1.004.117.567	35.218.871.648	29.675.712.238	29.675.712.238
	1.619.833.048.716	1.619.833.048.716	43.030.073.224	431.231.499.304	1.231.631.622.636	1.231.631.622.636
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	1.460.091.343.801				1.101.481.712.285	-
Số phải trả sau 12 tháng	159.741.704.915				130.149.910.351	-

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (*)	856.913.518.409	955.033.981.983
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	186.947.884.021	290.547.884.021
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	129.052.282.340	220.924.327.279
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	45.820.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	16.925.028.835	23.002.725.391
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	11.548.400.000	18.141.082.220
	1.201.387.113.605	1.553.470.000.894

(*) Vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất 1,5%/năm kể từ ngày quá hạn trả nợ.

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Khoản vay có tài sản đảm bảo	344.473.595.196	307.888.134.890
Khoản vay tín chấp	856.913.518.409	1.245.581.866.004
	1.201.387.113.605	1.553.470.000.894

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng bằng VND, theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Các khoản vay dài hạn được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi	344.473.595.196	598.436.018.911
Khoản vay áp dụng lãi suất cố định	856.913.518.409	955.033.981.983
	1.201.387.113.605	1.553.470.000.894

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.082.413.519.938	1.431.711.972.059
Trong năm thứ hai	32.171.957.944	22.809.005.675
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	36.301.635.723	49.449.023.160
Sau năm năm	50.500.000.000	49.500.000.000
	1.201.387.113.605	1.553.470.000.894
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	1.082.413.519.938	1.431.711.972.059
Số phải trả sau 12 tháng	118.973.593.667	121.758.028.835

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	19.068.192.347	28.379.371.742
Trong năm thứ hai	10.837.115.997	23.813.225.018
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	339.200.687	14.170.451.062
	30.244.509.031	66.363.047.822
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	19.068.192.347	28.379.371.742
Số phải trả sau 12 tháng	11.176.316.684	37.983.676.080

30. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.244	(2.862.805.993)	155.271.048.744	2.162.412.232	(2.989.315.436.396)	1.759.760.865.908	2.934.911.080.221
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(398.488.693.420)	(17.832.138.184)	(416.320.831.604)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	4.038.284.624	-	(4.038.284.624)	-	-
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	-	14.180.571.463	(45.275.914.193)	(31.095.342.730)
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.244	(2.862.805.993)	159.309.333.368	2.162.412.232	(3.377.661.842.977)	1.696.652.813.531	2.487.494.905.887
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(260.758.835.531)	(153.432.362.509)	(414.191.198.040)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.631.038.932)	-	(47.993.480.468)	(120.822.788.638)	(170.447.308.038)
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.244	(2.862.805.993)	157.678.294.436	2.162.412.232	(3.686.414.158.976)	1.422.397.662.384	1.902.856.399.809

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 05 tháng 10 năm 2017, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.178.733.330.000	54,47
Các cổ đông khác	1.821.266.670.000	45,53	1.821.266.670.000	45,53
	4.000.000.000.000	100	4.000.000.000.000	100

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	400.000.000	400.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.971	2.971
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	399.997.029	399.997.029
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận Xây lắp, Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng và Bộ phận dịch vụ và khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận Xây lắp : xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng : kinh doanh nhà và hạ tầng;
- Bộ phận dịch vụ và khác : cung cấp các dịch vụ liên quan tới xây lắp và bất động sản.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày cuối năm

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	8.899.580.647.599	1.343.272.111.501	2.289.873.469.827	(1.145.426.936.044)	11.387.299.292.883
(Lỗ) từ công ty liên kết	(718.859.861.396)	-	-	-	(718.859.861.396)
Tổng tài sản hợp nhất					10.668.439.431.487
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	6.805.091.674.421	1.218.714.532.034	1.222.431.815.400	(480.654.990.177)	8.765.583.031.678
Tổng nợ phải trả hợp nhất					8.765.583.031.678

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày đầu năm

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	11.168.181.674.756	1.717.706.743.381	1.283.809.145.443	(777.627.624.918)	13.392.069.938.662
(Lỗ) từ công ty liên kết	(716.148.126.712)	-	-	-	(716.148.126.712)
Tổng tài sản hợp nhất					12.675.921.811.950
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	8.600.029.260.183	988.308.969.949	727.466.309.659	(127.377.633.728)	10.188.426.906.063
Tổng nợ phải trả hợp nhất					10.188.426.906.063

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm nay

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.986.975.762.257	485.711.221.365	217.662.455.404	(345.234.921.024)	3.345.114.518.002
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	2.992.963.663.687	578.948.767.921	289.302.143.939	(359.286.576.249)	3.501.927.999.298
Kết quả kinh doanh bộ phận	(5.987.901.430)	(93.237.546.556)	(71.639.688.535)	14.051.655.225	(156.813.481.296)
Chi phí không phân bổ					(238.719.117.381)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(395.532.598.677)
Phần (lỗ) trong công ty liên kết					(2.608.790.749)
Lợi nhuận khác (Lỗ) từ hoạt động tài chính					42.785.415.511
					(32.880.954.472)
(Lỗ) trước thuế					(388.236.928.387)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(25.954.269.653)
(Lỗ) sau thuế					(414.191.198.040)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm trước

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.673.485.515.975	74.818.831.820	256.651.989.824	(235.696.076.251)	3.769.260.261.368
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	3.737.097.690.902	72.342.519.506	237.552.186.593	(324.397.446.095)	3.722.594.950.906
Kết quả kinh doanh bộ phận	(63.612.174.927)	2.476.312.314	19.099.803.231	88.701.369.844	46.665.310.462
Chi phí không phân bổ					(403.497.321.812)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(356.832.011.350)
Phần (lỗ) trong công ty liên kết					(22.881.802.014)
Lợi nhuận khác					23.206.860.556
(Lỗ) từ hoạt động tài chính					(58.755.552.131)
(Lỗ) trước thuế					(415.262.504.939)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(1.058.326.665)
(Lỗ) sau thuế					(416.320.831.604)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam. Hoạt động xây lắp được thực hiện trên cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Miền Bắc	2.517.120.285.775	2.378.846.726.691
Miền Trung	46.959.356.944	30.469.195.786
Miền Nam	1.126.269.796.307	1.595.640.415.142
Loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất	<u>(345.234.921.024)</u>	<u>(235.696.076.251)</u>
	<u>3.345.114.518.002</u>	<u>3.769.260.261.368</u>

32. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	6.133.212	12.294.231
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	11.112.006.001	11.372.006.001

33. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Hoạt động xây lắp	2.648.615.293.765	3.469.954.043.920
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	485.711.221.365	100.360.831.820
Hoạt động dịch vụ	138.215.227.923	139.871.834.969
Hoạt động tư vấn xây dựng	13.090.909	1.131.970.599
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	6.656.307.833	2.463.400.094
Hoạt động khác	66.449.174.184	108.866.413.999
	<u>3.345.660.315.979</u>	<u>3.822.648.495.401</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	545.797.977	53.388.234.033
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>3.345.114.518.002</u>	<u>3.769.260.261.368</u>

Handwritten signature and stamp on the right margin.

Handwritten text and stamp on the right margin, including the number 2506 and the letters G T, NH, IT, NA, TP.

34. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hoạt động xây lắp	2.716.578.535.623	3.418.129.836.950
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	578.948.767.921	72.342.519.506
Hoạt động dịch vụ	113.554.300.094	118.788.076.536
Hoạt động tư vấn xây dựng	10.474.671	1.189.050.805
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	28.732.041.865	5.185.287.168
Hoạt động khác	64.103.879.124	106.960.179.941
	<u>3.501.927.999.298</u>	<u>3.722.594.950.906</u>

35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, ký quỹ ngân hàng	25.179.138.875	29.790.263.914
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.775.855.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.373.300.734	4.406.061.243
Lãi chuyển nhượng cổ phần	45.465.351.365	53.509.153.744
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.990.000
	<u>79.017.790.974</u>	<u>89.483.323.901</u>

36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	106.779.203.847	108.949.594.810
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(12.363.756.581)	(774.492.300)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	254.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.440.131.760	8.948.399.190
Chi phí tài chính khác	9.789.166.420	31.115.374.332
	<u>111.898.745.446</u>	<u>148.238.876.032</u>

37. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	139.017.248.767	174.221.125.990
Chi phí vật liệu quản lý	3.173.512.580	6.250.047.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.401.886.166	19.713.399.687
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(26.467.849.656)	77.303.039.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.331.331.417	45.494.350.442
Chi phí bằng tiền khác	49.089.735.655	69.106.860.958
	<u>224.545.864.929</u>	<u>392.088.823.574</u>

38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	508.304.699.842	1.322.016.463.208
Chi phí nhân công	363.192.025.812	635.587.780.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	107.702.456.178	118.477.796.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.424.882.881.995	1.900.758.214.912
Chi phí dự phòng	157.774.190.658	57.722.831.575
Chi phí thuê ngoài và chi phí bằng tiền khác	268.365.246.453	203.287.664.941
	<u>2.830.221.500.938</u>	<u>4.237.850.752.307</u>

13/11/2015
 ON AY
 13/11/2015
 Y/C.T.
 UHANG
 TE
 M
 H/PT

39. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay		
- Hoạt động xây lắp	-	4.530.024.003
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	2.200.865.933	102.536.129
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo quyết toán thuế năm trước	866.543.784	138.925.662
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.067.409.717	4.771.485.794
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	22.886.859.936	(3.713.159.129)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	25.954.269.653	1.058.326.665

40. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại) VND
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	(260.758.835.531)	(398.488.693.420)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	-
(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(260.758.835.531)	(398.488.693.420)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	399.997.029	399.997.029
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(652)	(996)

41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.940.208.374.255	2.041.292.678.177
Mua hàng hóa, dịch vụ từ các công ty liên kết	132.892.503.296	73.837.312.671
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.341.388.410	3.903.093.760



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu	2.118.588.989.295	2.017.543.715.740
Phải thu khách hàng là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	997.193.633.553	866.834.676.278
Phải thu khách hàng là các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	58.271.160.121	74.918.176.625
Phải thu khách hàng là các công ty liên kết	239.674.235.837	240.059.262.441
Ứng trước cho các công ty liên kết	256.094.178.383	206.916.242.604
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.460.893.643	2.030.293.097
Phải thu khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.982.610.887	6.907.965.832
Phải thu khác các công ty liên kết	196.984.990.155	217.340.600.205
Phải thu về cho vay các công ty liên kết	364.927.286.716	402.536.498.658
Phải trả	688.429.430.364	729.844.769.266
Phải trả người bán là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.062.581.917
Phải trả người bán là các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	122.035.263.283	130.120.741.157
Phải trả người bán là các công ty liên kết	151.161.755.022	121.687.196.265
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	100.508.670.384	100.391.415.199
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	3.992.962.581	3.575.001.914
Các công ty liên kết ứng trước	4.795.814.624	54.315.783.225
Phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	73.586.151.463	73.586.151.463
Phải trả khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	50.000.000.000	64.312.967.326
Phải trả khác các công ty liên kết	5.299.247.742	4.792.930.800
Các khoản vay	215.099.553.043	312.412.372.960
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	86.047.270.703	91.488.045.681
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	129.052.282.340	220.924.327.279

42. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm VND	Dư nợ vay quá hạn cuối năm VND	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm VND
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
PVC-SG (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
Tổng			237.855.091.994	237.855.091.994	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng.

Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 9).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

(*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá đồng ý việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Công ty mẹ Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Công ty mẹ Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thẩm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Công ty mẹ Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh trên sẽ không phát sinh do PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên.

Công nợ tiềm tàng khác

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả, vay và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng đối với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

43. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính mà Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty mẹ Tổng Công ty và Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN đã ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC tạm xác định là khoảng 949,6 triệu USD và 10.741 tỷ VND. Đồng thời, Công ty mẹ Tổng Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt Dự toán Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, giá vốn ước tính để thực hiện dự án của Tổng Công ty là khoảng 952,7 triệu USD và 11.072 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là khoảng 1,28%. Đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực tế của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Công ty mẹ Tổng Công ty đã hạch toán giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp dự kiến trên và doanh thu đã ghi nhận.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2018 và Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 - 2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo các Nghị quyết và Quyết định trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2016 - 2020. Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các Nghị quyết và Quyết định nêu trên.



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2019

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	12 - 52

CO. N. A. 1-01

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đình Thế	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2018)
Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2018)
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2018)
Ông Nguyễn Đức Đạt	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2018)
Ông Nghiêâm Quang Huy	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2018)
Ông Phạm Cương	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2018)
Ông Phạm Hồng Lĩnh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Thế	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Toàn Thắng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2018)
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2018)
Ông Nguyễn Đức Đạt	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2018)
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018)
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2018)
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

11/01/2019

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2019

12/ NG HET LO ET TA

Số: 984/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 10 tháng 4 năm 2019, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là khoảng 124,4 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

2. Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 có giá gốc lần lượt là khoảng 249,7 tỷ VND và 25,8 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và để nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có (1) khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam với giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 203,8 tỷ VND và khoảng 186,8 tỷ VND; và (2) một số khoản góp vốn vào các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 44,3 tỷ VND và khoảng 12,8 tỷ VND. Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nêu trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 25 và Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại 01 tổ chức tín dụng với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND trong năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với PVC-SG và tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá cơ sở cho việc hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THAM
E
M
HAI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.377,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 3.253,4 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 774 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 886,5 tỷ VND) và các vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có một số khoản cho vay và bảo lãnh vay cho một số công ty khác với số tiền lần lượt khoảng 466,5 tỷ VND và khoảng 237,9 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang tiếp tục làm việc với các công ty được cho vay, được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để thu hồi các khoản cho vay và giải tỏa thư bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Bàng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 4 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.949.625.650.151	4.804.994.094.862
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	326.057.489.783	508.914.752.119
1. Tiền	111		255.584.038.775	406.941.301.111
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.473.451.008	101.973.451.008
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	41.614.255.450	93.421.325.711
1. Chứng khoán kinh doanh	121		150.668.065.000	150.668.065.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(109.053.809.550)	(119.510.253.500)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	62.263.514.211
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.913.459.308.710	2.035.837.019.896
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.340.883.118.174	1.206.896.162.668
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	730.611.496.380	913.583.141.149
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	477.544.956.451	545.741.688.393
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	341.911.955.051	364.968.423.896
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(978.217.205.372)	(996.702.154.460)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		724.988.026	1.349.758.250
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.587.249.118.165	2.080.316.607.829
1. Hàng tồn kho	141		1.609.153.554.893	2.080.316.607.829
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.904.436.728)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		81.245.478.043	86.504.389.307
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	220.170.638	243.682.193
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		59.767.967.400	64.983.714.976
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	23	21.257.340.005	21.276.992.138

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.606.227.556.723	1.848.913.022.438
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.655.963.143	85.387.351.252
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	4.655.963.143	85.387.351.252
II. Tài sản cố định	220		23.573.525.197	31.055.259.345
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	16.783.984.484	21.959.981.295
- Nguyên giá	222		77.847.225.840	84.437.409.632
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.063.241.356)	(62.477.428.337)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	6.448.500.713	9.095.278.050
- Nguyên giá	225		18.676.108.182	18.676.108.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(12.227.607.469)	(9.580.830.132)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	341.040.000	-
- Nguyên giá	228		5.005.180.340	4.652.380.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.664.140.340)	(4.652.380.340)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	16	169.656.706.255	203.669.372.688
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		24.471.433.315	24.997.663.020
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		145.185.272.940	178.671.709.668
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.380.377.777.558	1.487.632.785.896
1. Đầu tư vào công ty con	251	17	1.986.206.514.396	1.986.206.514.396
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	754.799.467.055	754.799.467.055
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	208.359.968.199	257.059.968.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	20	(1.568.988.172.092)	(1.510.433.163.754)
V. Tài sản dài hạn khác	260		27.963.584.570	41.168.253.257
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	27.963.584.570	41.168.253.257
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.555.853.206.874	6.653.907.117.300

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.855.662.176.291	5.829.859.632.751
I. Nợ ngắn hạn	310		4.723.642.544.642	5.691.519.504.087
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	2.797.373.969.361	3.378.885.580.703
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	278.442.060.554	435.043.193.526
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	13.671.609.709	3.892.611.661
4. Phải trả người lao động	314		25.078.773.126	35.976.510.124
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	353.232.180.081	475.788.411.178
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.605.090.877	4.681.032.127
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	25	347.011.111.137	366.895.599.158
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26	911.508.960.870	997.637.776.683
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
II. Nợ dài hạn	330		132.019.631.649	138.340.128.664
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	24	71.064.369.884	71.064.369.884
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		59.760.287.206	64.376.064.729
3. Phải trả dài hạn khác	337		29.520.935	-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27	-	568.786.803
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.165.453.624	2.330.907.248
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		700.191.030.583	824.047.484.549
I. Vốn chủ sở hữu	410	28	700.191.030.583	824.047.484.549
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(29.710.000)	(29.710.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.986.992.734	76.986.992.734
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
5. (Lỗ) lũy kế	421		(3.377.266.252.151)	(3.253.409.798.185)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.253.409.798.185)	(2.887.505.811.629)
- (Lỗ) năm nay	421b		(123.856.453.966)	(365.903.986.556)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.555.853.206.874	6.653.907.117.300

Vũ Thị Châm

Vũ Thị Châm
 Người lập biểu

Vũ Minh Công

Vũ Minh Công
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	2.277.284.933.615	2.159.847.844.976
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		2.277.284.933.615	2.159.847.844.976
3. Giá vốn hàng bán	11	31	2.302.128.529.411	2.371.323.361.525
4. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(24.843.595.796)	(211.475.516.549)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	27.336.153.787	57.631.815.162
6. Chi phí tài chính	22	33	73.055.334.625	86.557.856.381
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.743.835.444	4.756.921.382
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	67.750.287.294	134.274.595.351
8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		(138.313.063.928)	(374.676.153.119)
9. Thu nhập khác	31		13.647.241.981	8.807.644.692
10. Chi phí khác	32		356.085.643	1.200.931.753
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		13.291.156.338	7.606.712.939
12. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(125.021.907.590)	(367.069.440.180)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	-	-
14. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	(1.165.453.624)	(1.165.453.624)
15. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(123.856.453.966)	(365.903.986.556)

(Handwritten signature)

Vũ Thị Châm
 Người lập biểu

Vũ Minh Công
 Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Thế
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2019



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số tiền	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01	(125.021.907.590)	(367.069.440.180)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	7.938.273.174	8.794.096.990
Các khoản dự phòng	03	51.091.822.323	91.960.688.576
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04	957.936.315	1.733.145.320
Chi phí lãi vay	05	(21.318.882.887)	(52.909.905.593)
Các khoản điều chỉnh khác	06	7.743.835.444	4.756.921.382
	07	-	-
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(78.608.923.221)	(312.734.493.505)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	170.403.448.524	(370.190.387.966)
Giảm hàng tồn kho	10	472.115.512.346	331.233.657.793
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(840.088.131.162)	87.919.296.775
Giảm chi phí trả trước	12	13.228.180.242	14.127.558.705
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	2.000.000.000
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.516.690.562)	(798.910.603)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	39.402.122.359	30.387.037.253
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.567.235.178)	(5.743.457.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(232.631.716.652)	(223.799.699.043)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(131.081.818)	(1.331.972.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.639.200.000	4.693.355.968
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	72.823.499.837	30.000.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	51.125.260.000	31.979.166.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.176.717.110	76.957.156.064
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	138.633.595.129	142.297.706.032

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	95.444.488.542	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(180.238.306.448)	(20.873.742.315)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.903.794.708)	(3.156.701.700)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(86.697.612.614)	(24.030.444.015)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(180.695.734.137)	(105.532.437.026)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	508.914.752.119	614.570.679.581
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.161.528.199)	(123.490.436)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	326.057.489.783	508.914.752.119

(Handwritten signature)

Vũ Thị Châm
 Người lập biểu

(Handwritten signature)

Vũ Minh Công
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 05 tháng 10 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 442 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 457).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nổi, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2,
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch,
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam,
- Ban điều hành dự án Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester,
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 09 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 11 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 18.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1001
CỔ
ÁCH N
ĐE
VIỆ
TNG B

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giá định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.377,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: lỗ lũy kế khoảng 3.253,4 tỷ VND) và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 774 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 886,5 tỷ). Năm 2018, lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty là khoảng 123,9 tỷ VND và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là khoảng âm 232,6 tỷ VND (năm 2017: khoảng âm 223,8 tỷ VND). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2019 và các năm tiếp theo cũng như sẽ nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như dự án Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1 để đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và quyết định lập báo cáo tài chính riêng năm 2018 của Tổng Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tổng Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7



Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Số năm

Phương tiện vận tải

6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính là phần mềm phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí

này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	479.326.305	948.887.350
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	255.104.712.470	405.992.413.761
Các khoản tương đương tiền (ii)	70.473.451.008	101.973.451.008
	326.057.489.783	508.914.752.119

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm số tiền khoảng 63,1 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 26,8 tỷ VND) gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương - "OceanBank") đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 52,3 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 57,8 tỷ VND) gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
a. Chứng khoán kinh doanh	150.668.065.000	109.053.809.550	150.668.065.000	119.510.253.500
Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	136.068.065.000	95.168.809.550	136.068.065.000	105.625.253.500
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	62.263.514.211	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	62.263.514.211	-

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN	859.838.775.956	744.018.661.482
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	92.988.431.965	92.988.431.965
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	85.997.410.646	85.997.410.646
Các khoản phải thu khách hàng khác	302.058.499.607	283.891.658.575
	<u>1.340.883.118.174</u>	<u>1.206.896.162.668</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	1.226.218.532.842	1.107.336.482.359

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	113.386.879.741	113.386.879.741
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	108.864.918.776
FLSmidth Wadgassen	-	19.119.176.116
Các khoản khác	508.359.697.863	672.212.166.516
	<u>730.611.496.380</u>	<u>913.583.141.149</u>
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	299.688.843.290	417.568.382.323

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) (i)	142.303.647.827	142.303.647.827	179.912.859.769	167.153.319.304
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO (i)	101.620.000.000	-	101.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland) (i)	-	-	30.587.520.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC) (i)	22.623.638.889	12.509.813.846	22.623.638.889	10.474.032.816
Cộng	466.547.286.716	279.169.611.676	534.744.018.658	301.983.502.123
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735
Tổng cộng	477.544.956.451	290.167.281.411	545.741.688.393	312.981.171.858

Trong đó:

**Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 37)**

	364.927.286.716	279.169.611.676	433.124.018.658	301.983.502.123
--	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

- (i) Số dư phải thu về cho vay các công ty này thể hiện: a) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh. Tổng Công ty đã đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi của các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank nêu trên, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn	341.911.955.051	364.968.423.896
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	87.841.873.460	86.735.664.511
- Ký cược, ký quỹ	34.143.267.836	47.963.935.736
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (i)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	42.328.848.975	42.328.848.975
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	18.370.961.565	18.158.775.000
- Phải thu ngắn hạn khác	112.993.225.059	123.547.421.518
b. Dài hạn	4.655.963.143	85.387.351.252
- Ký cược, ký quỹ	4.655.963.143	85.387.351.252
	<u>346.567.918.194</u>	<u>450.355.775.148</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 37)	137.238.407.802	149.173.837.306

- (i) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ đến hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý.
- (ii) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 38).

(H.M.S)

10. NỢ XẤU

Thông tin về một số khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	142.303.647.827	-	179.912.859.769	12.759.540.465
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	209.960.201.220	-	209.960.201.220	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	43.977.863.728	6.714.619.313	43.977.863.728	6.714.619.313
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.601.149.597	-	75.601.149.597	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	61.710.508.005	-	61.710.508.005	-
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	34.039.106.414	-	37.206.687.346	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	74.320.073.627	23.141.183.865	64.348.845.580	19.475.097.941
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	30.394.484.099	-	30.394.484.099	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	27.426.673.819	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	18.265.262.039	-	18.265.262.039	332.296.404
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	-	23.575.990.000	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	10.807.785.000	-	10.807.785.000	3.242.335.500
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.446.793.928	-	9.446.793.928	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	5.221.876.372	-	5.221.876.372	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí	3.719.897.842	-	3.719.897.842	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	3.642.458.278	-	3.642.458.278	-

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định giá trị có thể thu hồi được bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị đã dự phòng của các khoản phải thu này.

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.967.588.224	-	1.967.588.224	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.573.981.529.941	-	2.078.349.019.605	-
(i)				
Hàng hoá	33.204.436.728	21.904.436.728	-	-
	1.609.153.554.893	21.904.436.728	2.080.316.607.829	-

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, chi tiết sản xuất dở dang theo các công trình như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.231.205.318.703	1.720.037.256.949
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	249.672.379.595	249.677.610.271
Các công trình khác	93.103.831.643	108.634.152.385
	1.573.981.529.941	2.078.349.019.605

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 39, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	219.837.890	243.682.193
Chi phí ngắn hạn khác	332.748	-
	220.170.638	243.682.193
b. Dài hạn		
Chi phí trả trước thuê văn phòng (i)	27.063.028.336	40.264.729.694
Chi phí dài hạn khác	900.556.234	903.523.563
	27.963.584.570	41.168.253.257

(i) Phản ánh chi phí trả trước về thuê văn phòng chờ phân bổ theo các Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà San Nam số 001/2009/SN-PVC ngày 08 tháng 01 năm 2009 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH San Nam, Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà CEO số 16/2009/CEO Tower/CEO-CBRE ngày 10 tháng 11 năm 2009 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần C.E.O Quốc tế và Phụ lục số 03 của Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà Medianet số 500 HDTV/PVC-PVC MN ngày 01 tháng 4 năm 2015 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà xưởng và vật kiến trúc VND</u>	<u>Máy móc và thiết bị VND</u>	<u>Thiết bị văn phòng VND</u>	<u>Phương tiện vận tải VND</u>	<u>Tổng VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	32.194.358.803	6.735.787.981	14.508.566.145	30.998.696.703	84.437.409.632
Tăng trong năm	-	-	117.990.909	-	117.990.909
Thanh lý, nhượng bán	-	(178.727.272)	(1.694.615.417)	(4.834.832.012)	(6.708.174.701)
Số dư cuối năm	32.194.358.803	6.557.060.709	12.931.941.637	26.163.864.691	77.847.225.840
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	15.937.566.799	5.606.969.318	13.985.694.286	26.947.197.934	62.477.428.337
Khấu hao trong năm	2.210.500.597	682.703.125	148.732.782	2.237.799.333	5.279.735.837
Thanh lý, nhượng bán	-	(164.475.389)	(1.694.615.417)	(4.834.832.012)	(6.693.922.818)
Số dư cuối năm	18.148.067.396	6.125.197.054	12.439.811.651	24.350.165.255	61.063.241.356
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	16.256.792.004	1.128.818.663	522.871.859	4.051.498.769	21.959.981.295
Tại ngày cuối năm	14.046.291.407	431.863.655	492.129.986	1.813.699.436	16.783.984.484

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 39.909.628.692 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 31.581.954.854 VND).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải
	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	18.676.108.182
Số dư cuối năm	<u>18.676.108.182</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	9.580.830.132
Khấu hao trong năm	2.646.777.337
Số dư cuối năm	<u>12.227.607.469</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>9.095.278.050</u>
Tại ngày cuối năm	<u>6.448.500.713</u>

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	4.652.380.340
Tăng trong năm	352.800.000
Số dư cuối năm	<u>5.005.180.340</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	4.652.380.340
Khấu hao trong năm	11.760.000
Số dư cuối năm	<u>4.664.140.340</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>-</u>
Tại ngày cuối năm	<u>341.040.000</u>

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4.652.380.340 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4.652.380.340 VND).

00.
TY
HỮU
TT
VAN
TP.

16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được
	VND	VND	VND	VND
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	26.634.279.956	13.317.139.978
Dự án Nhà máy Xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.280.083.636	900.000.000
Các công trình khác	11.436.734.433	1.618.216.162	11.436.734.433	1.618.216.162
	75.157.963.827	24.471.433.315	76.110.423.237	24.997.663.020

(i) Theo Công văn số 1828/TTg-KTN ngày 15 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty tại dự án này.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	11.493.106.209	44.979.542.937
- Xây dựng cơ bản	133.692.166.731	133.692.166.731
Trong đó:		
Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)	127.973.080.823	127.973.080.823
Công trình khu đô thị Đại học Dầu khí	3.883.984.985	3.883.984.985
Các công trình khác	1.835.100.923	1.835.100.923
	145.185.272.940	178.671.709.668

(ii) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Theo Biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2017 của tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, PVN và Tổng Công ty, các bên thống nhất giá trị Dự án trong giai đoạn do Tổng Công ty thực hiện là khoảng 143 tỷ VND. Ngày 01 tháng 10 năm 2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cũng như bàn giao toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất trên lô đất của Dự án cho cơ quan này. Ngày 28 tháng 02 năm 2019, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định pháp luật, không để thất thoát tài sản Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối năm VND	Giá trị vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (I)	Thành phố Hồ Chí Minh	367.502.605.998	367.502.605.998	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	325.000.000.000	325.000.000.000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	286.227.385.833	286.227.385.833	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	203.793.940.000	203.793.940.000	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	200.000.000.000	200.000.000.000	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
6	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (I)	Hà Nội	195.150.582.565	195.150.582.565	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	153.532.000.000	153.532.000.000	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	153.000.000.000	153.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	102.000.000.000	102.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
			1.986.206.514.396	1.986.206.514.396			

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại PVC-Petroland và PVC-Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, các công ty nói trên được xác định là công ty con của Tổng công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2018 và Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 -2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo các Nghị quyết và Quyết định trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2016 - 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các Nghị quyết và Quyết định nêu trên.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 37.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối năm VND	Giá trị vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	83.271.467.055	83.271.467.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Hải Phòng	77.400.000.000	77.400.000.000	42%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Đà Nẵng	72.400.000.000	72.400.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	57.000.000.000	57.000.000.000	30%	30%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
8	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	54.395.000.000	54.395.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	19.993.000.000	19.993.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
10	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
11	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (I)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại
			754.799.467.055	754.799.467.055			

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

- (i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35% đồng thời Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 37.

19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	Tên các công ty nhận góp vốn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu %	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu %
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN) (i)	-	-	48.700.000.000	15%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	3.000.000.000	4%	3.000.000.000	4%
7	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (PVC2)	2.795.000.000	5%	2.795.000.000	5%
8	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (PVC4)	2.500.000.000	10%	2.500.000.000	10%
		208.359.968.199		257.059.968.199	

- (i) Trong năm, Tổng công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

20. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thông tin chi tiết về các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Đầu tư vào công ty con	1.986.206.514.396	713.347.566.158	1.986.206.514.396	652.392.878.912
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	367.502.605.998	79.689.844.993	367.502.605.998	69.759.658.493
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	325.000.000.000	123.548.027.716	325.000.000.000	109.435.329.741
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	286.227.385.833	-	286.227.385.833	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) (I)	203.793.940.000	186.801.978.021	203.793.940.000	163.039.207.479
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	200.000.000.000	30.967.194.774	200.000.000.000	24.739.477.256
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	195.150.582.565	67.793.380.782	195.150.582.565	59.596.138.818
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dẫn dụng Dầu khí (PVC-IC)	153.000.000.000	21.677.539.736	153.000.000.000	21.950.469.158
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	102.000.000.000	49.337.600.136	102.000.000.000	50.340.597.967

- (I) Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) với số tiền khoảng 186,8 tỷ VND dựa trên thông tin báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán của PVC-Land.

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của PVC-Land, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, PVC-Land đang có một số vụ kiện liên quan tới các khoản phải thu, phải trả, vay và kết quả của các vụ kiện này là chưa xác định được. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư vào PVC-Land từ vấn đề nêu trên. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến sự kiện trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư vào công ty liên kết	754.799.467.055	695.563.553.014	754.799.467.055	696.034.445.057
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	83.271.467.055	83.271.467.055	83.271.467.055	83.271.467.054
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	77.400.000.000	22.811.665.490	77.400.000.000	30.193.178.407
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	72.400.000.000	72.400.000.000	72.400.000.000	72.400.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	57.000.000.000	54.292.929.035	57.000.000.000	47.271.252.091
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	54.395.000.000	54.395.000.000	54.395.000.000	54.395.000.000
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	19.993.000.000	19.993.000.000	19.993.000.000	19.993.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	3.500.000.000	1.559.491.434	3.500.000.000	1.670.547.505
c) Đầu tư dài hạn khác	208.359.968.199	160.077.052.920	257.059.968.199	162.005.839.785
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC) (II)	23.500.000.000	11.288.806.120	23.500.000.000	11.196.028.937
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	-	16.764.968.199	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (II)	12.500.000.000	1.488.246.800	12.500.000.000	1.488.246.800
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn (II)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (PVC2) (II)	2.795.000.000	-	2.795.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (PVC4) (II)	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)	-	-	48.700.000.000	2.021.564.048
Tổng cộng	2.949.365.949.650	1.568.988.172.092	2.998.065.949.650	1.510.433.163.754

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có các khoản đầu tư vào các công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4, với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 44,3 tỷ VND và khoảng 12,8 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Công nghiệp Daelim	1.174.990.478.816	1.864.777.111.251
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	398.785.076.255	241.460.165.102
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.062.581.917
Tập đoàn Sojitz	164.755.016.943	175.100.606.380
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	46.277.603.207	125.002.595.266
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	72.950.414.232	56.369.073.444
Các đối tượng khác	762.565.814.643	739.113.447.343
	<u>2.797.373.969.361</u>	<u>3.378.885.580.703</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	513.812.789.145	548.286.131.726

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	146.156.317.172	329.996.787.319
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Các đối tượng khác	49.507.267.483	22.267.930.308
	<u>278.442.060.554</u>	<u>435.043.193.526</u>
<i>Trong đó:</i>		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	93.148.521.557	94.659.892.726

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải thu/ phải nộp	Số đã thu/đã nộp/bù trừ	
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	397.430	108.302.592	108.700.022	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	21.256.556.285
Thuế xuất nhập khẩu	19.254.703	-	19.254.703	-
Các loại thuế khác	783.720	-	-	783.720
	21.276.992.138	108.302.592	127.954.725	21.257.340.005
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	2.402.195.055	29.733.414.897	28.037.476.076	4.098.133.876
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	30.491.568.322	26.776.076.441	3.715.491.881
Thuế xuất nhập khẩu	-	4.066.992.234	684.342.490	3.382.649.744
Thuế thu nhập cá nhân	1.256.260.959	2.731.891.320	2.465.980.310	1.522.171.969
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	234.155.647	13.405.327.653	12.686.321.061	953.162.239
Các loại thuế khác	-	141.310.335	141.310.335	-
	3.892.611.661	80.570.504.761	70.791.506.713	13.671.609.709

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	353.232.180.081	475.788.411.178
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	350.826.341.633	474.864.450.004
Chi phí phải trả khác	2.405.838.448	923.961.174
b. Dài hạn	71.064.369.884	71.064.369.884
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	71.064.369.884	71.064.369.884
	424.296.549.965	546.852.781.062

25. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.491	137.942.779.491
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) (ii)	114.186.733.011	105.560.173.528
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.098.464.510	54.038.464.510
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long (iv)	5.533.782.157	5.533.782.157
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	-	29.251.650.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>35.249.351.968</u>	<u>34.568.749.472</u>
	<u>347.011.111.137</u>	<u>366.695.599.158</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	74.485.794.714	73.543.485.963

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh chưa bao gồm khoản dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) đã được Tổng Công ty đánh giá và hoàn nhập trong năm 2016 như trình bày tại Thuyết minh số 38.
- (ii) Khoản phải trả OceanBank thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 27. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.
- (iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.
- (iv) Phản ánh lãi vay dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long.

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	40.700.000.000	40.700.000.000	95.444.488.542	82.117.842.874	54.026.645.668	54.026.645.668
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (I)	40.700.000.000	40.700.000.000	-	-	40.700.000.000	40.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (II)	-	-	95.444.488.542	82.117.842.874	13.326.645.668	13.326.645.668
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 27)	955.033.981.983	955.033.981.983	-	98.120.463.574	856.913.518.409	856.913.518.409
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	955.033.981.983	955.033.981.983	-	98.120.463.574	856.913.518.409	856.913.518.409
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 27)	1.903.794.700	1.903.794.700	568.806.793	1.903.804.700	568.796.793	568.796.793
- Công ty cho thuê Tài chính Vietcombank	1.903.794.700	1.903.794.700	568.806.793	1.903.804.700	568.796.793	568.796.793
Tổng cộng	997.637.776.683	997.637.776.683	96.013.295.335	182.142.111.148	911.508.960.870	911.508.960.870

- (I) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 17%/năm và 17,5%/năm, các khoản vay này đã quá hạn từ tháng 10 năm 2012 và chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Như trình bày tại Thuyết minh số 9, ngày 06 tháng 4 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) thực hiện khấu trừ 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản nợ đã quá hạn nêu trên của Tổng Công ty (trong đó dư nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.782.157 VND). Tổng Công ty đã khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Do đó, Tổng Công ty chưa ghi giảm số dư vay và lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền hạch toán lẫn lộn là 40.700.000.000 VND và 5.533.782.157 VND.

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/2084729/HDTD ngày 24 tháng 4 năm 2018 để bổ sung vốn lưu động cho Tổng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 8%/năm.

27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	955.033.981.983	955.033.981.983	-	98.120.463.574	856.913.518.409	856.913.518.409
Nợ thuê tài chính dài hạn						
- Công ty cho thuê Tài chính Vietcombank	2.472.581.503	2.472.581.503	-	1.903.784.710	568.796.793	568.796.793
	957.506.563.486	957.506.563.486	-	100.024.248.284	857.482.315.202	857.482.315.202
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	956.937.776.683	956.937.776.683			857.482.315.202	857.482.315.202
Số phải trả sau 12 tháng	568.786.803	568.786.803				

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

- (1) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	856.913.518.409	955.033.981.983
	856.913.518.409	955.033.981.983
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	856.913.518.409	955.033.981.983
Số phải trả sau 12 tháng	-	-

Các khoản nợ thuế tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	568.796.793	1.903.794.700
Trong năm thứ hai	-	568.786.803
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	-
	568.796.793	2.472.581.503
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	-	1.903.794.700
Số phải trả sau 12 tháng	568.796.793	568.786.803

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	(Lỗ lũy kế)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(2.887.505.811.629)	1.189.951.471.105
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(365.903.986.556)	(365.903.986.556)
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.253.409.798.185)	824.047.484.549
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(123.856.453.966)	(123.856.453.966)
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.377.266.252.151)	700.191.030.583

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 05 tháng 10 năm 2017, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	Số cuối năm VND	%	Số đầu năm VND	%
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.178.733.330.000	54,47
Các cổ đông khác	1.821.266.670.000	45,53	1.821.266.670.000	45,53
	4.000.000.000.000	100	4.000.000.000.000	100

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	5.132.038	12.040.033
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	9.716.217.233	9.716.217.233

30. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động xây lắp	2.244.535.832.680	2.144.537.728.839
Doanh thu bán hàng	8.122.217.062	1.264.714.045
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.626.883.873	14.045.402.092
	2.277.284.933.615	2.159.847.844.976
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.277.284.933.615	2.159.847.844.976
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	1.870.953.262.185	1.826.887.706.509

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	2.250.905.846.051	2.354.160.653.008
Giá vốn của hàng bán	7.935.197.306	2.719.134.212
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.809.279.031	14.443.574.305
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	21.478.207.023	-
	2.302.128.529.411	2.371.323.361.525

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.859.604.499	11.744.690.168
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.079.019.288	4.349.387.094
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	7.397.530.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	41.535.747.900
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.990.000
	<u>27.336.153.787</u>	<u>57.631.815.162</u>

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	7.743.835.444	4.756.921.382
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	254.000.000	372.522.475
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.169.768.373	8.813.283.787
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	48.098.564.388	65.259.513.660
Chi phí tài chính khác	9.789.166.420	7.355.615.077
	<u>73.055.334.625</u>	<u>86.557.856.381</u>

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lương	49.526.110.263	64.839.656.581
Chi phí vật liệu quản lý	466.259.691	843.849.371
Chi phí đồ dùng văn phòng	606.665.054	1.007.624.835
Chi phí khấu hao	2.947.116.139	3.639.568.406
Thuế, phí, lệ phí	807.531.592	901.983.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.311.196.307	22.099.704.146
(Hoàn nhập)/ Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(18.484.949.088)	26.701.174.916
Chi phí khác bằng tiền	12.570.357.336	14.241.033.919
	<u>67.750.287.294</u>	<u>134.274.595.351</u>

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	306.107.953.025	743.557.185.436
Chi phí nhân công	90.969.982.968	93.328.351.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.938.273.174	8.794.096.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.443.171.511.601	1.285.456.847.061
Trích lập dự phòng	2.993.257.935	27.901.174.916
Chi phí khác bằng tiền	13.377.888.928	15.143.017.096
	<u>1.864.558.867.631</u>	<u>2.174.180.673.441</u>

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
(Lỗ) kế toán trước thuế	(125.021.907.590)	(367.069.440.180)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	-	(41.535.747.900)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(41.535.747.900)
Cộng:	5.885.668.119	5.916.842.664
- Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	5.827.268.119	5.827.268.119
- Chi phí không được khấu trừ	58.400.000	89.574.545
Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (1)	(1.165.453.624)	(1.165.453.624)

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- (1) Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại là phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận liên quan đến việc đánh giá lại quyền sử dụng đất tại thời điểm cổ phần hóa các công ty con trong năm 2010.

1/16 < 01/01/11
 1/16 < 01/01/11
 1/16 < 01/01/11

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết

1121
ĐNG
NHỆ
:LOI
ỆT I
ĐA .

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Bán hàng	1.870.953.262.185	1.826.887.706.509
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.837.282.368.607	1.777.435.343.090
Viện Dầu khí Việt Nam	24.667.461.977	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	4.823.514.129	478.593.925
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1.711.756.802	-
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	712.850.933	40.015.766.411
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	558.592.046	1.139.234.376
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	450.618.311	561.565.103
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	269.238.965	520.217.823
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	85.505.146	525.120.414
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	3.948.427	1.479.188
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	3.791.851	5.841.247.539
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	369.138.640
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	265.298.865	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	262.153.846	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sóng Hậu 1	(143.837.720)	-
Mua hàng	360.398.081.245	418.073.780.937
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	111.218.042.275	96.134.340.132
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	70.382.416.174	148.640.034.200
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	48.269.688.507	55.597.850.131
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	44.109.578.562	35.427.061.726
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	28.569.889.588	23.084.282.352
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	25.498.774.983	15.474.138.681
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	18.665.061.339	12.178.113.815
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	11.078.662.088	11.390.108.383
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	915.717.891	1.430.563.643
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	753.430.440	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	610.419.398	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	326.400.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC	-	18.717.287.874
Cổ tức được nhận trong năm	-	41.535.747.900
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	39.759.892.900
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	-	1.175.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	-	600.855.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.341.388.410	3.903.093.760

00 /
 HỮU
 TTI
 JAN
 TP.

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu khách hàng	1.226.218.532.842	1.107.336.482.359
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	859.838.775.956	744.018.661.482
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	92.988.431.965	92.988.431.965
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	85.997.410.646	85.997.410.646
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	50.006.385.426	62.976.379.594
Viện Dầu khí Việt Nam	62.256.129.083	49.835.403.218
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.093.291.361	22.954.922.130
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau	15.041.331.104	15.232.805.676
Tổng Công ty Khí Việt Nam	9.446.793.928	9.446.793.928
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	5.221.876.372	7.465.459.814
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	6.097.621.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.546.942.139	5.546.942.139
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	4.785.053.299	480.249.819
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.000.000.002	2.000.000.002
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.168.218.659	1.164.741.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	933.597.135	424.592.369
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	567.202.899	320.503.043
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	575.047.210	232.554.484
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	343.474.651	150.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	291.828.752	-
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.308.500	2.308.500
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	16.811.955	-
Phải thu khác	137.238.407.802	149.173.837.306
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	34.965.989.605	34.965.989.605
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	28.614.233.210	25.288.310.291
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	21.273.119.411	18.693.065.414
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	20.507.270.308
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	10.810.176.022	11.277.038.359
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	6.840.056.555
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	5.360.238.712
Công ty cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.331.441.634	1.950.360.251
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	104.089.201	46.537.030
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.008.154.052	2.008.154.052
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.982.610.887	6.907.965.832
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.248.733.327	7.269.308.458
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	51.857.616	51.857.616
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	39.756.922	5.948.624
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	680.340	680.340
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	6.653.182.890
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	-	12.848.330
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	2.285.959
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	910.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	231.828.680

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán	299.688.843.290	417.568.382.323
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	108.864.918.776
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	54.324.395.257
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	38.679.416.874	39.671.633.609
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	36.168.525.139	63.970.266.279
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.268.366.989	28.268.366.989
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	14.686.868.954	17.643.408.954
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.263.563.283	11.263.563.283
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	4.503.113.218	10.469.783.726
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	229.674.800
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	-	42.338.586.786
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	-	37.823.783.864
Người mua trả tiền trước	93.148.521.557	94.659.892.726
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	5.456.975.849	5.456.975.849
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	4.795.814.624	4.795.814.624
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	117.255.185	117.255.185
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	-	1.511.371.169
Phải trả người bán ngắn hạn	513.812.789.145	548.286.131.726
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.062.581.917
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	46.277.603.207	125.002.595.266
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	57.666.745.771	58.366.745.771
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	72.950.414.232	56.369.073.444
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Thái Bình	14.996.494.338	36.177.980.208
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	40.206.812.283	29.788.835.106
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	44.476.598.008	24.849.095.913
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	17.692.708.474	17.692.708.474
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	7.923.568.688	8.517.537.609
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6.127.928.326	6.127.928.326
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	6.210.411.670	6.105.486.022
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	5.703.310.862	1.474.480.220
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	16.343.320.202	563.775.631
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	187.307.819	187.307.819

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	74.485.794.714	73.543.485.963
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	54.102.464.510	54.038.464.510
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	14.312.967.326	14.312.967.326
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	3.006.898.799	3.006.898.799
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	1.994.390.161	1.539.119.390
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	474.466.797	102.474.988
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	297.958.782	246.912.611
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	296.648.339	296.648.339
Các khoản cho vay ngắn hạn	364.927.286.716	433.124.018.658
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	142.303.647.827	179.912.859.769
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	22.623.638.889	22.623.638.889
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	30.587.520.000

10/11/2011

38. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

<u>Đơn vị được bảo lãnh</u>	<u>Tổ chức nhận bảo lãnh</u>	<u>Thời hạn bảo lãnh</u>	<u>Dư nợ bảo lãnh cuối năm VND</u>	<u>Dư nợ vay quá hạn cuối năm VND</u>	<u>Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm VND</u>
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
PVC-SG (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
Tổng			237.855.091.994	237.855.091.994	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng.

Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 9).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên các báo cáo tài chính riêng cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

(*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng khác

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty và các Công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Tính tới ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty và Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN đã đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC tạm xác định là khoảng 949,6 triệu USD và 10.741 tỷ VND. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt Dự toán Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, giá vốn ước tính để thực hiện dự án của Tổng Công ty là khoảng 952,7 triệu USD và 11.072 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là khoảng 1,28%. Đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng năm 2018 và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực tế của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng Công ty đã hạch toán giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp dự kiến trên và doanh thu đã ghi nhận.

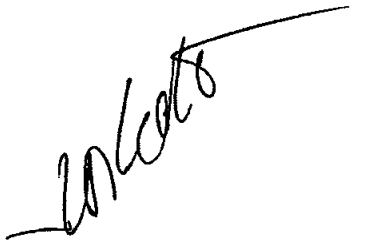
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

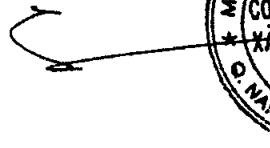
b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2018 và Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 -2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo các Nghị quyết và Quyết định trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2016 - 2020. Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thị công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các Nghị quyết và Quyết định nêu trên.



Vũ Thị Châm
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2019

